

VN-Index tăng 0,7%

Ngày báo cáo

23/4/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng 0,7%

VN-Index tăng 0,7% (+13,1 điểm) vào thứ Năm, đóng cửa phiên giao dịch tại 1.870,4 điểm. Trong khi đa số các mã cổ phiếu giảm điểm, nhóm ngân hàng đóng vai trò trụ đỡ cho chỉ số. Toàn sàn ghi nhận 104 mã tăng, 208 mã giảm và 60 mã đi ngang. Thanh khoản tăng so với phiên trước, đạt 29,3 nghìn tỷ đồng.

- Các cổ phiếu ngân hàng ghi nhận mức tăng mạnh gồm VCB (+5,7%), BID (+3,4%), CTG (+1,7%), TCB (+0,9%) và MBB (+0,8%). Ngược lại, LPB (-1,1%) và STB (-1,7%) sụt giảm.
- Trong nhóm bất động sản, VIC (+3,5%) và NVL (+2,4%) tăng mạnh, trong khi VHM (-0,9%), VRE (-3,0%) và BCM (-1,6%) giảm điểm.
- Ngành vật liệu cơ bản diễn biến kém tích cực khi HPG (-1,4%), GVR (-0,5%), DCM (-3,2%), DGC (-2,4%) và DPM (-3,6%) đều giảm.
- Nhà sản xuất bia SAB (+7,0%), các doanh nghiệp công nghiệp PVT (+7,0%), VCG (+4,8%), GMD (+1,0%) và VTP (+1,2%), cùng công ty dịch vụ tài chính VCI (+2,3%) là những mã tăng đáng chú ý ở các ngành khác.

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1870,4	253,2	128,3
% Δ	0,7%	-0,8%	-0,4%
- % Δ 1 tuần	2,8%	-1,3%	0,1%
- % YTD	4,8%	1,1%	6,3%
- % YOY	54,4%	19,8%	40,3%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$1.114,2	\$54,7	\$23,5
- TB 1 tháng (triệu)	\$923,5	\$56,3	\$20,9
- TB 1 năm (triệu)	\$1.138,2	\$80,6	\$33,1
- TB QTD	\$945,9	\$54,4	\$20,6
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-21,2%	-30,5%	-41,9%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$92,6	\$2,0	\$0,2
- Bán (triệu)	\$155,6	\$3,6	\$0,8
- GT ròng (triệu)	-\$63,0	-\$1,6	-\$0,5
Độ rộng TT			
Mã tăng	110	46	103
Mã giảm	215	103	174
Không đổi	99	156	591
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	335,8	17,3	51,4
P/E trượt 12T	15,0	10,5	18,5
LS cổ tức*	3,3%	4,8%	5,4%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	2.019,2	32.253	2.671,0
VN30F2M	2.017,9	1.517	4,1
VN30F1Q	2.019,1	308	0,6
VN30F2Q	2.024,9	19	0,3
VN100F1M	1.936,7	18	0,9
VN100F2M	1.919,5	16	0,0
VN100F1Q	1.912,0	14	0,0
VN100F2Q	1.927,0	1	0,1
USD/VND		26.328	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Điểm tin & Nhận định nhanh

- DGW công bố chi trả cổ tức tiền mặt năm tài chính 2025 ở mức 1.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất cổ tức 2,2%)
- FPT: LNST sau lợi ích CBTS sơ bộ quý 1/2026 tăng 14% YoY - nhìn chung phù hợp với dự báo
- CTR: Kế hoạch năm 2026 dự kiến LNST sẽ tăng 4% YoY dù doanh thu tăng nhanh hơn ở mức 11%; qua đó làm nổi bật các động lực tăng trưởng chiến lược ngoài viễn thông trong giai đoạn 2026-2030 - Báo cáo ĐHCĐ
- DPM: Triển vọng urê tích cực trong năm 2026, nền tảng lợi nhuận quý 2 vững chắc - Báo cáo ĐHCĐ
- NVL: Kế hoạch LNST đi ngang năm 2026, dự kiến tiến trình tái cấu trúc chuyển biến mạnh mẽ trong năm nay - Báo cáo ĐHCĐ
- PC1 tái khẳng định chiến lược tăng trưởng đa trụ cột; phát hành quyền mua hỗ trợ tốc độ tăng trưởng lợi nhuận kép khoảng 30% - Báo cáo ĐHCĐ
- VPB: Mục tiêu tăng trưởng tham vọng nhờ lợi thế vốn và mở rộng hệ sinh thái; phát hành riêng lẻ cho một nhà đầu tư nước ngoài - Báo cáo ĐHCĐ
- VRE: Kế hoạch LNST năm 2026 giảm 17% YoY từ mức nền cao năm 2025 nhưng tăng 15% YoY trên cơ sở LFL; LNST sơ bộ quý 1/2026 đạt 30% kế hoạch cả năm - Báo cáo ĐHCĐ

Báo cáo trong ngày

- DMX: Năm trụ cột thúc đẩy giai đoạn tăng trưởng tiếp theo - Báo cáo Công ty

Quan điểm kỹ thuật

Đánh giá tổng quan, phiên 23/04 là phiên chịu tác động mạnh nhất từ lực bán trong các phiên gần đây, xét cả về độ bao phủ lẫn cường độ. Dù vậy, VN-Index vẫn vận động trên MA5 và giữ quán tính tăng, qua đó duy trì khả năng hướng lên vùng 1.900–1.920 điểm. Tuy nhiên, với áp lực bán hiện tại, chỉ số nhiều khả năng cần thêm một vài phiên điều tiết cung trong biên độ dự đoán là 1.845–1.890 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

DGW công bố chi trả cổ tức tiền mặt năm tài chính 2025 ở mức 1.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất cổ tức 2,2%)

* CTCP Thế Giới Số (DGW) đã công bố kế hoạch chi trả cổ tức tiền mặt năm tài chính 2025 ở mức 1.000 đồng/cổ phiếu, với ngày giao dịch không hưởng quyền là 13/05/2026 và ngày thanh toán là 21/05/26.

* Chúng tôi hiện đưa ra mức giá mục tiêu cho DGW là 45.400 đồng/cổ phiếu.

FPT: LNST sau lợi ích CBTS sơ bộ quý 1/2026 tăng 14% YoY - nhìn chung phù hợp với dự báo

1. Kết quả sơ bộ quý 1/2026: Doanh thu đạt 12,5 nghìn tỷ đồng (+9% YoY; 22% dự báo cả năm của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CBTS đạt 2,5 nghìn tỷ đồng (+14% YoY; 24% dự báo cả năm của chúng tôi).

2. KQKD của từng mảng trong quý 1/2026:

* **CNTT nước ngoài:** Doanh thu +10% YoY; LNTT +5% YoY.

- Theo loại hình dịch vụ, tăng trưởng chủ yếu được thúc đẩy bởi các dịch vụ chuyển đổi số (DX), tăng 18% YoY và đóng góp 47% tổng doanh thu CNTT nước ngoài trong quý 1/2026.

- Theo thị trường, thị trường Nhật Bản tiếp tục là thị trường có đóng góp doanh thu lớn nhất, ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu 19% YoY trong quý 1/2026. Thị trường EU ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu mạnh ở mức 44% YoY. Doanh thu tại Mỹ tăng nhẹ 4% YoY. Trong khi đó, doanh thu tại APAC giảm 10% YoY, chủ yếu do diễn biến kém tích cực tại thị trường Hàn Quốc và Malaysia.

- Doanh thu ký mới tăng 22% YoY lên 13,8 nghìn tỷ đồng trong quý 1/2026. Số lượng các hợp đồng có giá trị từ 500.000 USD đến dưới 1 triệu USD tăng 14% YoY lên 95 hợp đồng, số lượng hợp đồng có giá trị từ 1 triệu USD đến dưới 10 triệu USD tăng 16% YoY lên 85 hợp đồng, và hợp đồng có giá trị từ 10 triệu USD trở lên tăng 14% YoY lên 8 hợp đồng.

- Biên LNTT mảng CNTT nước ngoài giảm 80 điểm cơ bản YoY xuống 16,2% trong quý 1/2026, do dự án AI Factory tại Nhật Bản ghi nhận lỗ gây áp lực lên biên lợi nhuận, trong khi không có tác động này trong quý 1/2025. Trong khi đó, biên LNTT cốt lõi của mảng dịch vụ CNTT nước ngoài (không bao gồm dự án AI Factory tại Nhật Bản) nhìn chung đi ngang YoY trong quý 1/2026.

* **CNTT trong nước:** Doanh thu +14% YoY; LNTT +305% YoY từ mức nền thấp.

- Doanh thu từ hệ sinh thái sản phẩm Made-by-FPT tăng 14% YoY, được thúc đẩy bởi cả khu vực tư nhân và khu vực nhà nước.

* **Giáo dục, đầu tư và các mảng khác:** Doanh thu giảm 4% YoY trong quý 1/2026, phản ánh tác động trễ từ việc tổng số người học giảm 8% tại cuối năm 2025 so với cuối năm 2024 (do số lượng tuyển sinh mới đi ngang và công ty ghi nhận số lượng lớn người học tốt nghiệp/bỏ học trong năm 2025). Trong khi đó, LNTT đã ghi nhận mức tăng 24% YoY, nhờ được hỗ trợ bởi mức tăng trưởng lợi nhuận hai chữ số từ các công ty liên kết.

3. Quan điểm của chúng tôi:

* Kết quả sơ bộ quý 1/2026 nhìn chung phù hợp dự báo năm 2026 hiện tại của chúng tôi, do đó chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

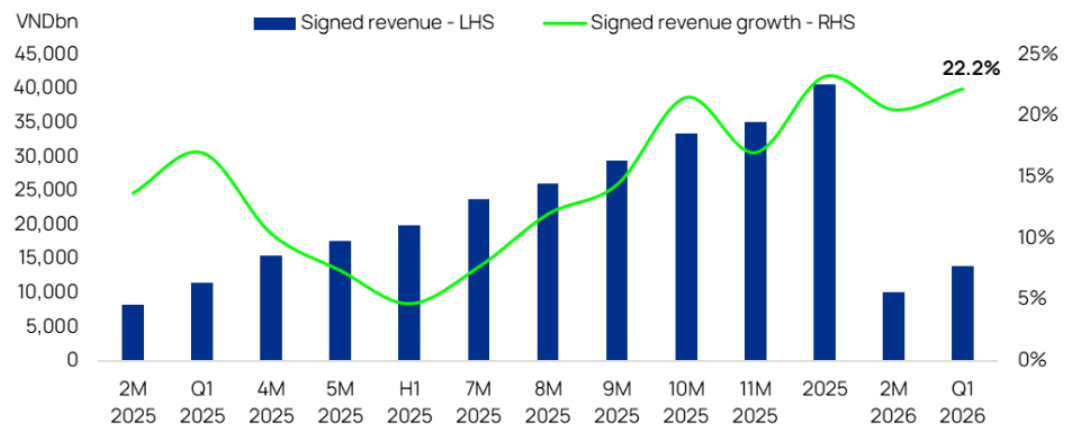
* Chúng tôi hiện đưa ra mức giá mục tiêu cho FPT là 116.600 đồng/cổ phiếu.

Hình 1: KQKD sơ bộ quý 1/2026 của FPT

Tỷ đồng	Q1 2025 ¹	Q1 2026	YoY	Q1 2026/ dự báo 2026 ²
Doanh thu	11.476	12.480	9%	22%
Công nghệ	9.769	10.842	11%	21%
- CNTT nước ngoài	8.186	9.034	10%	22%
- CNTT trong nước	1.583	1.807	14%	19%
Giáo dục, Đầu tư & Khác	1.707	1.638	-4%	25%
LNTT	2.412	2.804	16%	28%
Công nghệ	1.416	1.566	11%	21%
- CNTT nước ngoài	1.392	1.468	5%	22%
- CNTT trong nước	24	98	305%	17%
Giáo dục, Đầu tư & Khác	996	1.238	24%	46%
LNST sau lợi ích CĐTS	2.174	2.487	14%	24%

Nguồn: FPT, Vietcap (1Điều chỉnh của FPT để so sánh trên cơ sở tương đương, bao gồm việc ghi nhận FPT Telecom theo phương pháp vốn chủ sở hữu, 2Dự báo năm 2026 trên cơ sở tương đương của Vietcap)

Hình 2: Doanh thu ký mới theo tháng mảng CNTT nước ngoài của FPT



Nguồn: FPT, Vietcap

CTR: Kế hoạch năm 2026 dự kiến LNST sẽ tăng 4% YoY dù doanh thu tăng nhanh hơn ở mức 11%; qua đó làm nổi bật các động lực tăng trưởng chiến lược ngoài viễn thông trong giai đoạn 2026-2030 - Báo cáo ĐHCĐ

- Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ năm 2026 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel (CTR) tại Hà Nội vào ngày 22/04/2026.

- ĐHCĐ đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 bao gồm doanh thu hợp nhất: 15,7 nghìn tỷ đồng (+11% YoY; 101% dự báo của chúng tôi) và LNST: 622 tỷ đồng (+4% YoY; 89% dự báo của chúng tôi), nhìn chung không thay đổi so với các tài liệu được công bố trước ĐHCĐ của công ty. Trong quá khứ, KQKD của CTR thường vượt nhẹ kế hoạch do công ty đề ra, với LNST sau lợi ích CĐTTS thực tế trong giai đoạn 2018-2025 thường cao hơn trung bình 6% so với kế hoạch.

- Chênh lệch giữa tăng trưởng doanh thu và tăng trưởng lợi nhuận cho thấy những thay đổi chiến lược mang tính cơ cấu trong giai đoạn 2026-2030, điều mà ban lãnh đạo đã liên hệ trực tiếp với việc mở rộng thị phần ở các mảng ngoài viễn thông, bao gồm xây dựng, giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật, cũng như đầu tư hạ tầng. Điều này có thể gây áp lực lên tăng trưởng biên lợi nhuận ròng, cùng với chính sách trích lập dự phòng thận trọng trong bối cảnh biến động hiện tại của chi phí đầu vào.

- Cổ đông đã thông qua kế hoạch chia cổ tức cho năm 2025, bao gồm: (1) cổ tức tiền mặt 171,6 tỷ đồng (1.500 đồng/cổ phiếu; lợi suất cổ tức tiền mặt 1,7%) và (2) cổ tức cổ phiếu 12% (tỷ lệ 100:12), được phát hành từ lợi nhuận giữ lại và dự kiến sẽ phân phối trong năm 2026.

1. Kế hoạch năm 2030:

- CTR đặt mục tiêu đạt mức doanh thu 28,8 nghìn tỷ đồng và LNST ở mức 1,3 nghìn tỷ đồng vào năm 2030, tương ứng với mức tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) lần lượt là 16%/12% trong giai đoạn 2026-2030, nhờ được thúc đẩy bởi các mảng xây dựng, giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật, và đầu tư hạ tầng (tăng trưởng 20%-30%/năm), trong khi tăng trưởng mảng vận hành khai thác được kỳ vọng sẽ duy trì ổn định ở mức 3%-5%/năm.

- Ban lãnh đạo cũng nhấn mạnh tỷ trọng đóng góp ngày càng cao từ khách hàng ngoài Viettel trong thời gian tới, dự kiến tăng từ 49% (tính đến quý 1/2026) lên 70% vào năm 2030. Chúng tôi cho rằng điều này phản ánh tốc độ tăng trưởng chậm hơn ở các mảng vận hành khai thác và hạ tầng cho thuê viễn thông (towerco), đồng thời cho thấy sự thay đổi dần trong cơ cấu doanh thu sẽ đến từ các mảng ít phụ thuộc vào Viettel hơn như xây dựng và giải pháp tích hợp & dịch vụ kỹ thuật.

2. Cho thuê hạ tầng viễn thông (Towerco) & Vận hành khai thác:

- **Vận hành khai thác:** Ban lãnh đạo nhấn mạnh rằng giá trị dài hạn của 5G không chỉ nằm ở việc cải thiện tốc độ, mà tập trung nhiều hơn vào độ trễ thấp và độ ổn định mạng cho các ứng dụng doanh nghiệp và ứng dụng chuyên biệt. Theo đó, tăng trưởng hạ tầng viễn thông của CTR được kỳ vọng sẽ được thúc đẩy không chỉ bởi việc mở rộng trạm phát sóng thụ động, mà còn bởi nhu cầu hạ tầng số doanh nghiệp ngày càng phát triển, qua đó hỗ trợ tăng trưởng ổn định và dài hạn cho mảng vận hành khai thác.

- **Towerco:** Ban lãnh đạo cho biết công ty dự kiến sẽ xây mới 1.000 trạm trong năm 2026, đồng thời đặt mục tiêu xây dựng tối thiểu 500 trạm BTS 5G mỗi năm trong giai đoạn 2026-2030, với khả năng tăng thêm nếu các nhà mạng đẩy nhanh triển khai mạng 5G. Ban lãnh đạo cũng nhấn mạnh rằng việc triển khai 5G trên diện rộng sẽ phụ thuộc không chỉ vào mục tiêu phủ sóng của các nhà khai thác mạng di động (MNOs), mà còn vào khả năng thương mại hóa các dịch vụ xung quanh mạng 5G không chỉ dịch vụ dữ liệu di động thông thường (điều này phần lớn nằm ngoài tầm kiểm soát của CTR), qua đó phản ánh quan điểm thận trọng của CTR đối với đà tăng trưởng của tỷ lệ dùng chung.

3. Mảng xây dựng:

- Trong mảng xây dựng B2B, CTR đặt mục tiêu mở rộng vượt ra ngoài các công trình dân dụng tư nhân truyền thống để tham gia vào các dự án EPC quy mô lớn hơn, các dự án đầu tư công và hạ tầng chiến lược, bao gồm giao thông, KCN và các dự án liên quan tới FDI. Ban lãnh đạo cũng đề cập các dự án trọng điểm quốc gia (ví dụ: đường sắt cao tốc) là cơ hội tiềm năng trong trung hạn.

- Đối với mảng xây dựng B2C, ban lãnh đạo tiếp tục phát triển mô hình nhà ở tích hợp, với 1.720 căn hoàn thành trong năm 2025 và mục tiêu hơn 3.000 căn trong năm 2026. Ban lãnh đạo cũng hướng tới mở rộng thêm các sản phẩm/dịch vụ gắn với giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật, bao gồm M&E, giải pháp điện mặt trời, các giải pháp liên quan đến viễn thông và các dịch vụ hộ gia đình khác (nội thất, v.v.).

- Đối với dự án đường sắt cao tốc Bắc - Nam, ban lãnh đạo không định vị CTR là nhà thầu EPC duy nhất. Thay vào đó, công ty kỳ vọng sẽ tham gia vào các liên danh khi phù hợp, cung cấp/thi công các hạng mục phù hợp với năng lực của công ty, đồng thời hướng tới các cơ hội cho hoạt động vận hành & bảo trì (O&M) trong dài hạn.

4. Giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật:

- CTR kỳ vọng công ty sẽ ghi nhận mức tăng trưởng mạnh ở mảng giải pháp điện mặt trời hộ gia đình, dù ban lãnh đạo thừa nhận biên lợi nhuận đang chịu áp lực từ mức chi phí đầu vào cao hơn.

- Ban lãnh đạo cho biết CTR đã đạt hơn 50% thị phần trong thị trường điện mặt trời hộ gia đình trong năm 2025, qua đó hỗ trợ mục tiêu đạt 70% thị phần trong mảng giải pháp năng lượng tái tạo vào năm 2030. Ban lãnh đạo cũng đề cập đến sự cạnh tranh từ các nhà cung cấp Trung Quốc có giá thấp hơn, nhưng nhấn mạnh lợi thế của CTR về quy mô mua hàng, chất lượng lắp đặt, năng lực thiết kế giải pháp trọn gói và năng lực O&M trên phạm vi toàn quốc.

5. Đầu tư hạ tầng:

- Ban lãnh đạo đề cập đến một dự án điện gió tại Quảng Bình, thuộc dự án Lệ Thủy 4, với quy mô ban đầu 50 MW và tiềm năng mở rộng dài hạn lên 200-250 MW. Tuy nhiên, dự án hiện đang gặp một số khó khăn trong quá trình phê duyệt do trước đây đã được cấp cho một nhà đầu tư khác, và hiện kế hoạch của CTR vẫn cần phải được phê duyệt lại, điều này có thể ảnh hưởng đến tiến độ dự án.

- Nhà ở xã hội là một sáng kiến đầu tư hạ tầng đáng chú ý khác. Ban lãnh đạo hiện đặt mục tiêu 50.000 căn vào năm 2030 (tương đương khoảng 5% Chương trình quốc gia - xây dựng 1 triệu căn nhà ở xã hội đến năm 2030) dưới thương hiệu Viettel Home. CTR cũng nhấn mạnh vị thế cạnh tranh mạnh của mình trong thị trường còn khá phân mảnh này, nhờ được hỗ trợ bởi hệ sinh thái Viettel giúp thủ tục pháp lý thuận lợi hơn, cùng năng lực O&M và triển khai mạnh mẽ.

- Ngoài ra, cũng có phần thảo luận về dự án cấp quang Bắc - Nam. Ban lãnh đạo xác nhận dự án đã bị gián đoạn do thay đổi trong quy hoạch và yêu cầu về nhu cầu từ phía chủ đầu tư dự án. Yếu tố này là rủi ro điều chỉnh giảm đối với định giá của chúng tôi, có thể làm giảm gần 1% giá mục tiêu nếu chúng tôi loại trừ dự án này khỏi các giả định, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DPM: Triển vọng urê tích cực trong năm 2026, nền tảng lợi nhuận quý 2 vững chắc - Báo cáo ĐHCĐ

Tại ĐHCĐ năm 2026 của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM), ban lãnh đạo đã nhấn mạnh triển vọng tích cực của thị trường urê trong năm 2026, nền tảng lợi nhuận quý 2 vững chắc, cơ hội xuất khẩu gia tăng và nguồn cung khí đầu vào được đảm bảo.

Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh năng tăng nhẹ đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐT năm 2026 hiện tại của chúng tôi (1,8 nghìn tỷ đồng, +70% YoY), do mức giá bán urê trung bình mạnh hơn kỳ vọng có thể bù đắp cho mức giá khí đầu vào cao hơn dự kiến, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. Chúng tôi hiện có khuyến nghị PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG đối với DPM (giá mục tiêu 31.200 đồng/cổ phiếu) trong kịch bản cơ sở.

Cổ tức: ĐHCĐ đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức tiền mặt năm 2025 ở mức 1.500 đồng/cổ phiếu, cao hơn so với mức được thông qua tại ĐHCĐ 2025 và cao hơn dự phóng 1.200 đồng/cổ phiếu của chúng tôi. Công ty đặt mục tiêu cổ tức năm 2026 là 1.200 đồng/cổ phiếu, thấp hơn so với dự phóng 1.400 đồng/cổ phiếu của chúng tôi, và chúng tôi cho rằng không có rủi ro đáng kể đối với giả định này.

KQKD sơ bộ quý 1:

+ Doanh thu: 5,7 nghìn tỷ đồng (+38% YoY, tương đương khoảng 29% dự báo năm 2026 của chúng tôi); LNTT: 515 tỷ đồng (gấp 2 lần YoY, tương đương khoảng 23% dự báo năm 2026)

+ Sản lượng bán: 239 nghìn tấn urê (đi ngang YoY); 59 nghìn tấn NPK (+58% YoY)

+ Giá khí đầu vào ở mức 11 USD/triệu BTU (+3% YoY); giá bán trung bình urê +7% YoY do các hợp đồng giá cao sẽ được ghi nhận trong quý 2

Triển vọng quý 2 tích cực hơn: Ban lãnh đạo đặt mục tiêu sản lượng bán urê quý 2 đạt 260 nghìn tấn (-1% YoY), trong đó xuất khẩu chiếm 38% tổng sản lượng bán urê, tăng mạnh so với mức 21% trong quý 1. Kết hợp với giá bán urê trung bình quý 2 dự kiến ở mức 700-900 USD/tấn, điều này cho thấy triển vọng lợi nhuận quý 2 rất khả quan.

Kế hoạch năm 2026: Doanh thu: 17,6 nghìn tỷ đồng (+37% so với kế hoạch năm 2025, tương đương khoảng 89% dự báo năm 2026 của chúng tôi); LNST: 680 tỷ đồng (gấp 2,1 lần so với kế hoạch năm 2025, tương đương khoảng 37% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Mức kế hoạch này nhìn chung phù hợp với dự báo của chúng tôi, do DPM đã hoàn thành 264% kế hoạch LNST trong 4 năm gần nhất.

Triển vọng thị trường urê tiếp tục thuận lợi, với giả định của ban lãnh đạo cao hơn đáng kể so với dự báo của chúng tôi. Ban lãnh đạo cho biết gói thầu gần nhất của Ấn Độ có mức giá trúng thầu bình quân là 950 USD/tấn, cao hơn gần gấp đôi so với mức trước xung đột. Trong kịch bản xung đột kéo dài, DPM kỳ vọng giá bán urê trung bình năm 2026 sẽ đạt 600-650 USD/tấn, cao hơn khoảng 34% so với dự phóng 465 USD/tấn của chúng tôi. Điều này phù hợp với kỳ vọng của ban lãnh đạo rằng giá bán trung bình quý 2 sẽ ở mức 700-900 USD/tấn (+82% QoQ), khi các hợp đồng giá cao bắt đầu được ghi nhận vào KQKD. Chúng tôi cũng lưu ý rằng giá xuất khẩu hiện đang cao hơn đáng kể so với giá bán trung bình trong nước.

Cả DPM và DCM đều cho biết Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM - vốn trước đó dự kiến sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2026) đã được lùi sang năm 2027. Một phần nguyên nhân là do giá urê hiện đang ở mức cao. Cụ thể, theo DPM, chi phí nhập khẩu dựa trên phát thải có thể làm tăng chi phí phân bón nhập khẩu cập cảng tại EU lên thêm 20-120 USD/tấn.

Ban lãnh đạo của cả DPM và DCM đều kỳ vọng mức tác động không đáng kể từ lộ trình áp thuế đối với phân bón Nga trong vài năm tới. Đây là một biện pháp thuế riêng theo xuất xứ, có hiệu lực từ ngày 01/07/2025, theo đó thuế của EU đối với phân bón Nga tăng từ 6,5% lên gần 100% vào năm 2028. Biện pháp này đã tạo ra cú sốc nguồn cung tại EU vào giữa năm 2025 và đẩy giá urê quốc tế tăng mạnh. Tuy nhiên, hiện nay, trong khi EU chuyển sang các nhà cung cấp khác với chi phí cao hơn (qua đó khiến giá urê tại khu vực này duy trì ở mức cao), thì ở các khu vực khác trên thế giới, giá urê lại chịu áp lực do Nga chuyển hướng xuất khẩu sang các thị trường khác và làm tăng nguồn cung tại các thị trường ngoài EU. Do đó, xét trên tổng thể, tác động lên giá urê quốc tế hiện chỉ mang tính trung tính/không đáng kể, thay vì tác động tích cực như kỳ vọng trước đây.

Triển vọng doanh thu được hỗ trợ bởi xuất khẩu; rủi ro nhu cầu trong nước có vẻ vẫn trong tầm kiểm soát. Ban lãnh đạo tiếp tục kỳ vọng triển vọng tiêu thụ urê tích cực, nhờ được hỗ trợ bởi tỷ trọng xuất khẩu cao hơn, ngay cả khi nhu cầu trong nước có thể suy yếu trong nửa cuối năm 2026 do điều kiện thời tiết El Nino. Ngoài ra, DCM cho biết việc giá gạo tăng cao và hoạt động tích trữ chiến lược gần đây tại Việt Nam và trên toàn cầu, đang giúp cải thiện khả năng chi trả của nông dân, qua đó hỗ trợ nhu cầu phân bón.

Ban lãnh đạo cho biết nguồn cung khí đã được đảm bảo, với nguồn cung bổ sung từ mỏ Sư Tử Trắng – Giai đoạn 2B dự kiến sẽ bắt đầu vận hành trong giai đoạn 2027-2028, qua đó giúp đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào trong 10-12 năm tới. LNG có thể được sử dụng, nhưng ban lãnh đạo không kỳ vọng LNG sẽ chiếm tỷ trọng đáng kể.

Ban lãnh đạo cho biết các khoản trích lập dự phòng liên quan đến VNPOLY sẽ tiếp tục kéo dài trong 20 quý, đến hết quý 3/2028, với mức chi trả hàng quý khoảng 1,3 triệu USD. Điều này cho thấy tiềm năng tăng nhẹ đối với dự báo lợi nhuận giai đoạn 2029-2030 của chúng tôi, vì các khoản dự phòng này sẽ kết thúc sau đó.

Tăng trưởng kinh doanh và mở rộng dự án:

+ **Dự án mở rộng NH3-NPK:** Công tác của Kiểm toán Nhà nước đã hoàn tất; quyết toán cuối cùng của dự án đã được phê duyệt.

+ **Nhà máy H2O2:** Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) đã được phê duyệt; hiện đang thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu để tiến tới phê duyệt triển khai.

+ **Dự án thu hồi khí thải (Ar, H2; không bao gồm N2) từ nhà máy NH3:** FS đang được thẩm định để phê duyệt.

+ **Bồn chứa axit H3PO4 cho nhà máy NPK:** Hợp đồng EPC đã được ký vào ngày 25/12/2025; lễ khởi động dự án diễn ra vào ngày 12/01/2026; thời gian triển khai dự kiến là 240 ngày.

+ **Dự án Melamine:** Hội đồng quản trị đã thông qua việc tạm dừng nghiên cứu thêm để ưu tiên nguồn lực cho dự án H2O2 và các cơ hội hóa chất khác tại Nghi Sơn; tiến độ dự án đã được hoãn sang giai đoạn 2031-2035. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

NVL: Kế hoạch LNST đi ngang năm 2026, dự kiến tiến trình tái cấu trúc chuyển biến mạnh mẽ trong năm nay - Báo cáo ĐHCĐ

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL) vào ngày 23/04.

Những điểm chính từ cuộc trao đổi của ban lãnh đạo tại ĐHCĐ:

Các dự án tại TP.HCM và Aqua City là động lực chính cho việc bàn giao bất động sản năm 2026. Ban lãnh đạo dự kiến tổng lượng bàn giao năm 2026 là 2.651 căn (so với 952 căn đã bàn giao năm 2025), bao gồm 1.622 căn tại các dự án TP.HCM (ví dụ: Victoria Village – căn hộ và The Grand Manhattan), 835 căn tại Aqua City, 104 căn tại NovaWorld Hồ Tràm, và 90 căn tại NovaWorld Phan Thiết. Trong năm 2026, ban lãnh đạo cũng đặt mục tiêu bàn giao 4.347 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà (sổ hồng) cho các dự án tại TP.HCM và bắt đầu cấp sổ hồng cho Aqua City từ quý 2/2026. Đối với NovaWorld Phan Thiết, việc xác định tiến sử dụng đất dự kiến hoàn tất vào quý 2/2026.

Ban lãnh đạo kỳ vọng tiến trình tái cấu trúc chuyển biến mạnh mẽ hơn trong năm 2026, được hỗ trợ bởi 1) việc xây dựng và bàn giao các dự án đang triển khai để đẩy nhanh tiến độ thu tiền, 2) từng bước giải quyết các vướng mắc pháp lý cho các quỹ đất, 3) đa dạng hóa các nguồn vốn huy động bên cạnh tài trợ ngân hàng và dòng tiền bán trước, như là kế hoạch phát hành riêng lẻ để hỗ trợ tái cơ cấu nợ, và 4) môi trường chính sách vĩ mô hỗ trợ nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Tác động từ các chi phí và lãi suất tăng trong ngắn hạn được giảm thiểu một phần: Ban lãnh đạo chỉ ra một số thách thức trong ngắn hạn bao gồm lãi suất và chi phí xây dựng cao hơn so với cùng kỳ. Theo ban lãnh đạo, lãi suất cao hơn có thể ảnh hưởng đến 30–40% dư nợ hiện tại (tổng dư nợ là 65 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2025), trong khi phần còn lại chủ yếu có lãi suất cố định với kỳ hạn 12–36 tháng; yếu tố lãi suất cao hơn cũng đã được xem xét khi xây dựng kế hoạch lợi nhuận năm 2026. Liên quan đến biến động chi phí nguyên vật liệu, vào cuối năm 2025 và đầu năm 2026, NVL đã ký kết hợp tác chiến lược với một số nhà thầu/nhà cung cấp để giúp chốt đơn giá cho một số khối lượng thi công.

Ông Bùi Cao Nhật Quân (con trai ông Bùi Thành Nhơn) đã được bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT NVL nhiệm kỳ 2026–2031, thay thế ông Nhơn. Chúng tôi kỳ vọng quá trình tái cấu trúc tại NVL sẽ tiếp tục được duy trì dưới ban lãnh đạo mới, nhờ kinh nghiệm lâu năm của ông tại NVL và sự tham gia trong giai đoạn tái cơ cấu 2023–2025. Ông Nhơn đã được bổ nhiệm làm Chủ tịch Ủy ban Chiến lược - ESG của NVL.

Cổ đông thông qua các đề xuất sau:

*** Kế hoạch năm 2026:** Cổ đông thông qua kế hoạch của ban lãnh đạo với doanh thu thuần 22,7 nghìn tỷ đồng (gấp 3,3 lần YoY) và LNST 1,85 nghìn tỷ đồng (đi ngang so với cùng kỳ), lần lượt cao hơn 78% và 469% so với các dự báo của chúng tôi. Chúng tôi cho rằng kế hoạch LNST cao hơn so với dự báo của chúng tôi chủ yếu do bàn giao bất động sản tích cực hơn so với ước tính. Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 của chúng tôi là 402 tỷ đồng (-77% YoY), dù cần thêm đánh giá chi tiết.

*** Tái cơ cấu trái phiếu chuyển đổi quốc tế** (305 triệu USD dư nợ vào cuối năm 2025): Cổ đông đã thông qua các đề xuất sửa đổi sau:

i) Gia hạn ngày đáo hạn: gia hạn từ ngày 30/06/2027 sang ngày 16/07/2028. Đây là đề xuất gia hạn lần thứ hai cho lô trái phiếu này, sau lần gia hạn một năm đầu tiên từ ngày đáo hạn ban đầu là tháng 07/2026 sang năm 2027, đã được phê duyệt vào tháng 07/2024.

ii) Quyền chọn bán cho trái chủ: gia hạn ngày thực hiện quyền chọn bán từ ngày 31/12/2026 sang ngày 31/12/2027. Quyền mua lại của trái chủ có thể thực hiện toàn bộ hoặc một phần, giới hạn tối đa 50% vốn gốc ban đầu.

iii) **Cơ chế điều chỉnh giá chuyển đổi:** bốn đợt điều chỉnh tại thời điểm 6/18/30/42 tháng kể từ ngày 05/07/2024, với giá điều chỉnh tại mức 90%/85%/75%/70% giá chuyển đổi tham chiếu là 40.000 đồng/cổ phiếu. Điều này tương ứng các mức giá chuyển đổi điều chỉnh là 34.000 đồng từ ngày 05/01/2026, 30.000 đồng từ ngày 05/01/2027, và 28.000 đồng từ ngày 05/01/2028 (so với giá chuyển đổi hiện tại là 34.000 đồng/cổ phiếu).

* **Khoản vay chuyển đổi:** Cổ đông thông qua việc NVL tiếp tục thực hiện kế hoạch vay chuyển đổi tối đa 15 nghìn tỷ đồng đã được phê duyệt năm 2025 sang năm 2026. Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025, 2,5 nghìn tỷ đồng đã được giải ngân (lãi suất 14%/năm, kỳ hạn 3 năm, có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu mới của NVL).

* **Kế hoạch phát hành cổ phiếu:** Cổ đông thông qua việc tiếp tục thực hiện hai kế hoạch phát hành cổ phiếu đã được phê duyệt năm 2025 nhưng chưa thực hiện sang năm 2026 (phát hành riêng lẻ và phát hành cổ phiếu hoán đổi trái phiếu trong nước), đồng thời sửa đổi các điều khoản phát hành riêng lẻ, cũng như thông qua các kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng và ESOP mới:

i) **Kế hoạch phát hành riêng lẻ:** Cổ đông thông qua việc phát hành tối đa 800 triệu cổ phiếu (36% số lượng cổ phiếu đang lưu hành) với giá phát hành không thấp hơn 75% bình quân giá đóng cửa 30 phiên giao dịch trước ngày HĐQT phê duyệt phương án phát hành (so với kế hoạch đã được ĐHCĐ tháng 04/2025 phê duyệt tối đa 350 triệu cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

ii) **Kế hoạch phát hành cổ phiếu hoán đổi trái phiếu trong nước:** không thay đổi so với kế hoạch đã được ĐHCĐ bất thường tháng 08/2025 phê duyệt, với tối đa 151,85 triệu cổ phiếu tại mức giá hoán đổi 40.000 đồng/cổ phiếu.

iii) **Kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng:** tối đa 167,6 triệu cổ phiếu (7,5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành; tỷ lệ 40:3, nghĩa là cổ đông sở hữu 40 cổ phiếu sẽ nhận được 3 cổ phiếu mới), nguồn vốn từ thặng dư vốn cổ phần. Dự kiến thực hiện trong năm 2026 hoặc thời điểm khác theo quyết định của HĐQT.

iv) **Kế hoạch ESOP:** tối đa 111,7 triệu cổ phiếu (5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành) với giá chào bán tối thiểu 10.000 đồng/cổ phiếu. Dự kiến thực hiện trong năm 2026, tùy thuộc vào sự chấp thuận của UBCKNN.

Thứ tự thực hiện dự kiến ưu tiên phát hành cổ phiếu thưởng, tiếp theo là phát hành riêng lẻ, ESOP, và các kế hoạch khác.

Thay đổi thành viên HĐQT: Cổ đông thông qua việc bầu ông Bùi Cao Nhật Quân, ông Phạm Tiến Vân, và ông Hoàng Đức Hùng. Việc bầu cử nhằm thay thế ba thành viên HĐQT hiện tại có nhiệm kỳ kết thúc vào năm 2026. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt các kế hoạch phát hành được thông qua tại ĐHCĐ năm 2026 của NVL

Kế hoạch phát hành	Số lượng cổ phiếu phát hành		Giá phát hành	Thời gian thực hiện dự kiến	Số tiền thu được nếu đăng ký mua hết
	(triệu CP)	(% số lượng CP lưu hành)			
Phát hành riêng lẻ	Tối đa 800	36%	Không thấp hơn 75% bình quân giá đóng cửa 30 phiên giao dịch trước ngày HĐQT phê duyệt phương án phát hành	2026	N/A
Phát hành cổ phiếu hoán đổi trái phiếu trong nước	Tối đa 151,85	6,8%	40.000 đồng/cổ phiếu	2026	0
Khoản vay chuyển đổi				2026	Đã duyệt tối đa 15 nghìn tỷ đồng (trong đó 2,5 nghìn tỷ đồng đã giải ngân theo BCTC kiểm toán 2025)
Cổ phiếu thưởng	Tối đa 167,6	7,5%	-	2026 hoặc thời điểm khác	0
ESOP	Tối đa 111,7	5%	Tối thiểu 10.000 đồng/cổ phiếu	2026	Tối thiểu 1,11 nghìn tỷ đồng

Nguồn: Tài liệu ĐHCĐ năm 2026 của NVL, Vietcap tổng hợp. Chúng tôi chưa đưa các kế hoạch này vào dự báo và định giá của chúng tôi.

PC1 tái khẳng định chiến lược tăng trưởng đa trụ cột; phát hành quyền mua hỗ trợ tốc độ tăng trưởng lợi nhuận kép khoảng 30% - Báo cáo ĐHCĐ

Tại ĐHCĐ năm 2026, ban lãnh đạo của CTCP Tập Đoàn PC1 (PC1) đã tái khẳng định bốn trụ cột tăng trưởng cốt lõi: (1) hoạt động phát điện, (2) tổng thầu EPC điện (mở rộng ra thị trường nước ngoài và vượt ra ngoài phạm vi điện truyền thống), (3) khu công nghiệp xanh/mảng bds nhà ở có tính thanh khoản cao, và (4) khoáng sản. Công ty đặt mục tiêu tốc độ tăng trưởng doanh thu kép (CAGR) 5 năm đạt 15–18% và CAGR lợi nhuận đạt khoảng 30%, hỗ trợ tích cực cho dự báo CAGR EPS giai đoạn 2026–2028 đạt khoảng 35% của chúng tôi.

Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 ở mức 1,2 nghìn tỷ đồng (+12% YoY) do lợi nhuận từ KCN Western Pacific và KCN Nomura 2 có thể cao hơn kỳ vọng, cùng với khoản lãi thoái vốn tại CTCP Đầu tư BĐS CT2, có khả năng bù đắp cho mức đóng góp yếu hơn từ mảng xây lắp điện, thủy điện và sản lượng niken, dù cần thêm đánh giá chi tiết. Ngoài ra, bản tin quý 4 của PC1 cho thấy tiềm năng điều chỉnh tăng dài hạn đến từ các KCN mới tại Vũng Tàu và Hải Phòng, cũng như mảng điện gió ngoài khơi của công ty.

Chúng tôi hiện duy trì khuyến nghị MUA đối với PC1 với mức giá mục tiêu là 30.500 đồng/cổ phiếu.

Kế hoạch năm 2026 tương đối thận trọng: Doanh thu đạt 15,6 nghìn tỷ đồng (+19% YoY, đạt khoảng 103% dự báo năm 2026); LNST trước lợi ích CĐTS đạt 1,1 nghìn tỷ đồng (-23% YoY, đạt khoảng 69% dự báo năm 2026). PC1 đã đạt 149% kế hoạch LNST trước lợi ích CĐTS trong hai năm qua và xác nhận khả năng KQKD thực tế năm 2026 có thể vượt mức kế hoạch.

Kết quả sơ bộ quý 1/2026: Doanh thu đạt 2,3 nghìn tỷ đồng (+26% YoY, đạt khoảng 15% dự báo năm 2026); LNST trước lợi ích CĐTS đạt 264 tỷ đồng (+82% YoY, đạt 17% dự báo năm 2026). Chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận thực tế sẽ cao hơn nhờ doanh số bán hàng tại Tháp Vàng và ghi nhận thoái vốn CT2. Thông thường, quý 1 là mùa thấp điểm của mảng EPC.

Cổ đông đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu mới trong năm 2026, tổng cộng lên đến 36% lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại, bao gồm:

+ **Cổ tức:** Phát hành 61,7 triệu cổ phiếu, tương đương tỷ lệ cổ tức bằng cổ phiếu 15%. Công ty cũng đặt mục tiêu cổ tức 15% cho năm 2026.

+ **ESOP** năm 2026: Tối đa 12,3 triệu cổ phiếu (khoảng 3% lượng cổ phiếu đang lưu hành); giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.

+ **Phát hành quyền mua:** Tối đa 74 triệu cổ phiếu (khoảng 18% lượng cổ phiếu đang lưu hành), dự kiến thực hiện trong năm 2026. Giá chào bán cuối cùng do HĐQT quyết định nhưng không thấp hơn 20.000 đồng/cổ phiếu (so với giá hiện tại là 27.500 đồng/cổ phiếu) và không thấp hơn 80% giá đóng cửa bình quân 20 phiên liên tiếp trước ngày quyết định. PC1 đặt ra mục tiêu huy động 1,5 nghìn tỷ đồng. Cổ phiếu không được đăng ký mua hết sẽ được phân phối lại và chịu thời gian hạn chế chuyển nhượng một năm.

+ **Sử dụng vốn huy động:** (1) Dự án thủy điện mới gồm Bảo Lạc A, Thượng Hà (125 tỷ đồng); (2) điện mặt trời nổi Trung Thu (306 tỷ đồng); (3) dự án nhà ở Gia Lâm (120 tỷ đồng); và (4) trả nợ cùng bổ sung vốn lưu động (930 tỷ đồng).

+ **Ban lãnh đạo nhấn mạnh nhu cầu vốn cho các mảng thâm dụng vốn** với thời gian tạo dòng tiền dài (mảng KCN cần khoảng 3 nghìn tỷ đồng bao gồm góp vốn chủ sở hữu vào Western Pacific, mảng BĐS nhà ở, và kế hoạch mở rộng công suất thêm 400–500 MW trong 5 năm tới).

Mảng xây lắp điện:

+ Hợp đồng tồn đọng: Khoảng 7 nghìn tỷ đồng (giảm từ mức khoảng 8 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2025 sau khi đã ghi nhận doanh thu quý 1/2026). Yếu tố hỗ trợ tăng trưởng chính là điện mặt trời nổi, điện gió gần bờ và hệ thống lưu trữ năng lượng (BESS).

+ Biên LN góp dự kiến sẽ bình thường hóa ở mức thấp hơn mức đỉnh năm 2025 (11,4%) do chi phí đầu vào và logistics tăng cao. Biên LN ròng cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi lãi suất gia tăng.

+ Hợp đồng tồn đọng hiện tại bao gồm 50% từ EVN và 50% ngoài EVN, đủ để đảm bảo đạt kế hoạch doanh thu năm 2026.

+ EPC nước ngoài: Dự kiến đóng góp khoảng 1 nghìn tỷ đồng doanh thu trong năm 2026 (từ 58 MW điện gió tại Philippines), danh mục dự án phát triển tiềm năng đạt khoảng 300 MW.

+ Định hướng phát triển dài hạn: Trở thành nhà thầu EPC khu vực (Châu Á - Thái Bình Dương) với 30–40% doanh thu/hợp đồng tồn đọng đến từ thị trường nước ngoài; có khả năng tham gia vào lĩnh vực điện hạt nhân với vai trò nhà thầu phụ (hiện chưa hợp tác với VinEnergy).

Mảng phát điện:

+ Mục tiêu doanh thu 2026: 1,7 nghìn tỷ đồng (-3% YoY), phản ánh khả năng ảnh hưởng của hiện tượng El Nino trong nửa cuối năm.

+ Dự án điện mặt trời nổi Trung Thu dự kiến đi vào vận hành thương mại (COD) trong năm 2027 (sớm hơn so với dự báo của chúng tôi là năm 2028), cho thấy năng lực thực thi và sự cộng hưởng giữa mảng EPC - phát điện.

+ Sẵn sàng nắm bắt các cơ hội M&A.

Mảng khu công nghiệp:

+ Western Pacific: Đã bán hết quỹ đất tại Yên Phong 2A và Yên Lệnh, tạo ra tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo năm 2026 của chúng tôi.

+ Nomura 2: Đã ký Biên bản ghi nhớ (MoU) cho 25 ha (so với dự báo bàn giao 14 ha trong năm 2026 của chúng tôi).

+ Mục tiêu doanh thu năm 2030: 6 nghìn tỷ đồng (gấp khoảng 9 lần năm 2025), cùng với việc mở rộng danh mục dự án phát triển tại Vũng Tàu và Hải Phòng.

Mảng BĐS nhà ở:

+ Tập trung vào phân khúc trung cấp và nhà ở xã hội có tính thanh khoản cao.

+ Ưu tiên thu tiền, điều này giải thích cho việc biên LN gộp tại dự án Tháp Vàng thấp hơn so với các đối thủ cùng ngành.

+ Chưa có kế hoạch M&A trong ngắn hạn.

Mảng niken:

+ Kế hoạch doanh thu năm 2026: 1,2 nghìn tỷ đồng (+5% YoY, đạt khoảng 76% dự báo của chúng tôi), qua đó cho thấy rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ từ sản lượng.

+ Ban lãnh đạo kỳ vọng xu hướng giá bán trung bình sẽ tăng trong giai đoạn 2026–2028 nhờ nhu cầu thị trường ổn định. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VPB: Mục tiêu tăng trưởng tham vọng nhờ lợi thế vốn và mở rộng hệ sinh thái; phát hành riêng lẻ cho một nhà đầu tư nước ngoài - Báo cáo ĐHCĐ

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB) vào ngày 22/04. Các nội dung chính của cuộc họp gồm (1) kế hoạch kinh doanh năm 2026 và định hướng chiến lược dài hạn, (2) kế hoạch cổ tức của ngân hàng và (3) các kế hoạch huy động vốn. Chúng tôi cho rằng kế hoạch năm 2026 của VPB là khá tham vọng nhưng vẫn khả thi, được củng cố bởi (1) hạn mức tín dụng ưu đãi, (2) sự sẵn sàng của ban lãnh đạo trong việc chấp nhận chi phí vốn cao hơn mức trung bình ngành để ổn định thanh khoản và hỗ trợ tăng trưởng, (3) kỳ vọng đóng góp lợi nhuận mạnh mẽ hơn từ FE Credit, VPX và OPES, và (4) sự hỗ trợ vốn tiềm năng từ việc phát hành cho nhà đầu tư nước ngoài. Theo quan điểm của chúng tôi, vấn đề then chốt là khả năng VPB có thể duy trì đà tăng trưởng cao này trong khi dẫn thu hẹp bất lợi về cơ cấu chi phí vốn và kiểm soát áp lực chất lượng tài sản ở các phân khúc rủi ro cao hơn. Nhìn chung, chúng tôi cho rằng ĐHCĐ đã củng cố tư duy tăng trưởng mạnh mẽ và tầm nhìn hệ sinh thái dài hạn của ban lãnh đạo, mặc dù khả năng thực thi các mục tiêu về cải thiện CASA, chi phí vốn, chất lượng tài sản mảng SME/tiêu dùng và thương mại hóa các sáng kiến mới sẽ là những yếu tố chính cần theo dõi trong suốt năm 2026.

- **Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2026, phản ánh thêm một năm tăng trưởng mạnh mẽ, vẫn được giữ nguyên từ tháng 2.** VPB đặt mục tiêu tổng tài sản đạt 1.630 nghìn tỷ đồng (+29% YoY), tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá đạt 1.031 nghìn tỷ đồng (+40% YoY), dư nợ tín dụng đạt 1.292 nghìn tỷ đồng (+34% YoY) và LNTT đạt 41,3 nghìn tỷ đồng (+35% YoY). Kế hoạch LNTT theo mảng kinh doanh bao gồm ngân hàng mẹ đạt 34,2 nghìn tỷ đồng (+30% YoY), FE Credit đạt 1,18 nghìn tỷ đồng (+93% YoY), VPX đạt 6,45 nghìn tỷ đồng (+44% YoY) và OPES đạt 936 tỷ đồng (+47% YoY). Mục tiêu của ngân hàng mẹ bao gồm tổng tài sản đạt 1.484 nghìn tỷ đồng (+27% YoY), huy động đạt 1.042 nghìn tỷ đồng (+44% YoY), tín dụng đạt 1.147 nghìn tỷ đồng (+35% YoY) và tỷ lệ nợ xấu dưới 2,5%.

- **Kế hoạch cổ tức:** VPB đề xuất trả cổ tức bằng cổ phiếu tương đương 26,04% vốn điều lệ, cùng với cổ tức tiền mặt 5% (500 đồng/cổ phiếu; tương đương lợi suất cổ tức hiện tại khoảng 1,8%). Cả hai dự kiến sẽ được thực hiện trong quý 2-quý 3/2026.

- **Kế hoạch huy động vốn mới:** VPB đề xuất phát hành riêng lẻ cho một nhà đầu tư nước ngoài, giúp tăng vốn điều lệ từ 100 nghìn tỷ đồng lên 106,2 nghìn tỷ đồng thông qua việc phát hành 624,4 triệu cổ phiếu mới. Dự kiến phát hành diễn ra vào quý 3-quý 4/2026, tùy thuộc vào sự chấp thuận của cơ quan quản lý và việc hoàn tất chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 100:26,04. Tính đến ngày 08/04, tỷ lệ sở hữu nước ngoài ở mức khoảng 25%; dựa trên tờ trình ĐHCĐ của công ty, tỷ lệ này có thể tăng lên khoảng 34% sau phát hành. VPB cũng đủ điều kiện cho mức trần sở hữu nước ngoài cao hơn lên tới 49% nhờ việc tham gia tái cơ cấu GPBank.

Tăng trưởng vẫn là cốt lõi trong chiến lược của VPB, mặc dù chi phí vốn và chất lượng tài sản là những biến số chính cần theo dõi. Ban lãnh đạo khẳng định lại tham vọng đưa VPB trở thành một trong ba ngân hàng thương mại lớn, hiệu quả hàng đầu Việt Nam, được hỗ trợ bởi (1) hạn mức tín dụng ưu đãi lên tới 35% cho giai đoạn 2025-27 và 25% cho năm 2028, (2) hệ sinh thái tài chính đa dạng và (3) vị thế huy động vốn/vốn mạnh. Ban lãnh đạo cũng kỳ vọng đà lợi nhuận sẽ mạnh mẽ hơn trong suốt năm 2026, với LNTT ngân hàng mẹ quý 2 có khả năng vượt 8 nghìn tỷ đồng (+39% YoY) và LNTT hợp nhất vượt 9 nghìn tỷ đồng (+45% YoY). Ban lãnh đạo cho biết lộ trình LNTT hàng quý của ngân hàng mẹ khoảng 7 nghìn tỷ đồng (+44% YoY)/8 nghìn tỷ đồng (+39% YoY)/9 nghìn tỷ đồng (+41% YoY)/10 nghìn tỷ đồng (+8% YoY) cho quý 1/quý 2/quý 3/quý 4 sẽ hỗ trợ mục tiêu cả năm là 34 nghìn tỷ đồng. Tuy nhiên, VPB dường như sẵn sàng chấp nhận chi phí vốn tương đối cao hơn trung bình để duy trì thanh khoản và hỗ trợ tăng trưởng cho vay. Mặc dù CASA đã cải thiện, chỉ số này vẫn thấp hơn các đối thủ lớn, cho thấy dư địa cải thiện đáng kể. Các thảo luận tại ĐHCĐ cũng chỉ ra áp lực NIM tiềm tàng khi tăng trưởng mạnh mẽ tiếp tục trong bối cảnh lãi suất thị trường vẫn neo cao, mặc dù ban lãnh đạo kỳ vọng có dư địa để lãi suất hạ nhiệt từ quý 3/2026. Ban lãnh đạo cũng thừa nhận áp lực chất lượng tài sản trong cho vay hộ kinh doanh và SME, đồng thời cho rằng tỷ lệ nợ xấu tương đối cao của VPB cũng phản ánh chính sách tăng trưởng mạnh với phạm vi khách hàng trải dài bao gồm doanh nghiệp lớn, SME, SME siêu nhỏ, bán lẻ và tài chính tiêu dùng, tuy nhiên chất lượng tài sản lành mạnh hơn đối thủ ở cùng phân khúc. Về bất động sản, ban lãnh đạo giữ quan điểm cân bằng, ủng hộ sự giám sát chính sách chặt chẽ hơn để phát triển thị trường lành mạnh hơn, đồng thời khẳng định lại rằng lĩnh vực này vẫn quan trọng đối với nền kinh tế.

Mở rộng hệ sinh thái vẫn là trụ cột chiến lược chính bên cạnh hoạt động ngân hàng cốt lõi: Ban lãnh đạo nhấn mạnh kinh doanh vàng là sáng kiến mới trọng yếu và cũng thảo luận về tài sản kỹ thuật số như một phần của nỗ lực rộng lớn hơn nhằm giữ chân tài sản khách hàng và dòng vốn trong hệ sinh thái, đẩy mạnh tính gắn kết trong huy động vốn và mở rộng nền tảng đầu tư của tập đoàn. Ban lãnh đạo cho biết CAEX, mảng kinh doanh tài sản tiền mã hóa của VPB, đã hoàn tất công tác chuẩn bị và huy động vốn lên 10 nghìn tỷ đồng, hiện đang chờ phê duyệt cuối cùng từ cơ quan quản lý trước khi ra mắt, dự kiến vào tháng 06/2026. Ban lãnh đạo cho biết thêm rằng công ty quản lý tài sản (AMC) cũng dự kiến sớm đi vào hoạt động sau khi nhận giấy phép trong quý 2/2026. Ngoài ra, VPB đang trong quá trình thành lập một công ty bảo hiểm nhân thọ (thông qua M&A hoặc mua giấy phép mới), điều này sẽ giúp hoàn thiện hệ sinh thái tài chính rộng hơn bao gồm ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, quản lý quỹ và các sản phẩm đầu tư tiền số. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VRE: Kế hoạch LNST năm 2026 giảm 17% YoY từ mức nền cao năm 2025 nhưng tăng 15% YoY trên cơ sở LFL; LNST sơ bộ quý 1/2026 đạt 30% kế hoạch cả năm - Báo cáo ĐHCĐ

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của CTCP Vincom Retail (VRE) vào ngày 23/04.

*** Kế hoạch năm 2026:** Cổ đông thông qua kế hoạch năm 2026 của ban lãnh đạo với doanh thu thuần 10,1 nghìn tỷ đồng (+15% YoY), bao gồm doanh thu cho thuê bán lẻ 9,7 nghìn tỷ đồng (+16% YoY; chiếm 96% tổng doanh thu) và LNST 5,4 nghìn tỷ đồng (-17% YoY).

- Tốc độ tăng trưởng kế hoạch năm 2026 tính trên cơ sở so sánh tương đồng (LFL) sẽ là 16% đối với doanh thu thuần, 14% đối với doanh thu cho thuê bán lẻ và 15% đối với LNST (loại trừ kết quả hoạt động của VCC Nguyễn Chí Thanh, khoản lãi từ việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Bất động sản Vincom NCT và các khoản thu nhập bất thường khác trong năm 2025). Điều này phù hợp với kế hoạch của ban lãnh đạo về mức tăng trưởng hai chữ số theo LFL (10-15%) đối với doanh thu cho thuê bán lẻ và LNST, như đã nêu trong buổi công bố KQKD vào tháng 01/2026 của công ty.

- Kế hoạch này nhìn chung phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi, tương đương 99% dự báo LNST năm 2026 của chúng tôi.

- Kết quả LNST của VRE trong các năm 2022/23/24/25 lần lượt tương đương 116%/94%/93%/137% so với kế hoạch đặt ra vào đầu mỗi năm tương ứng (chúng tôi lưu ý rằng năm 2025 có mức nền cao do khoản lãi trước thuế 1,9 nghìn tỷ đồng từ việc chuyển nhượng Vincom NCT).

* **Kế hoạch mở trung tâm thương mại (TTTM) mới cho năm 2026:** Ban lãnh đạo đặt mục tiêu khai trương Vincom Plaza Đan Phượng tại Wonder City (Hà Nội; diện tích sàn bán lẻ khoảng 25.000 m2) trong năm 2026, không thay đổi so với kế hoạch được đưa ra tại buổi công bố KQKD tháng 01/2026.

* **Kế hoạch cổ tức:** Cổ đông thông qua kế hoạch chi trả cổ tức tiền mặt năm 2025 là 2,3 nghìn tỷ đồng, tương đương 1.000 đồng/cổ phiếu dựa trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành (lợi suất 3,4%), dự kiến thực hiện trong quý 3/2026.

Trong lịch sử, VRE đã trả cổ tức lần cuối cho năm tài chính 2018 (1.050 đồng/cổ phiếu bằng tiền mặt) và không trả cổ tức trong giai đoạn 2019-2024. Chúng tôi chưa đưa kế hoạch cổ tức được đề xuất vào dự báo hiện tại cho VRE.

* **Sửa đổi ngành nghề kinh doanh:** Cổ đông thông qua việc bổ sung các ngành nghề kinh doanh bao gồm cho thuê tài sản vô hình phi tài chính, các hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ vận tải, kho bãi, lưu trữ và đóng gói nhằm mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh.

Lượng khách tham quan TTTM quý 1/2026 tăng 13% YoY, LNST sơ bộ quý 1 đạt 30% kế hoạch cả năm. Tại ĐHCĐ, ban lãnh đạo cho biết VRE đã đạt doanh thu và LNST sơ bộ quý 1/2026 tương đương 25% và 30% kế hoạch cả năm 2026. Điều này tương ứng với doanh thu sơ bộ quý 1/2026 đạt 2,5 nghìn tỷ đồng (+18% YoY) và **LNST đạt 1,6 nghìn tỷ đồng (+36% YoY)**. Các con số này lần lượt hoàn thành 26% và 29% dự báo cả năm của chúng tôi. Chúng tôi cho rằng mức tăng trưởng so với cùng kỳ trong kết quả sơ bộ quý 1/2026 chủ yếu đến từ tăng trưởng ổn định của mảng cho thuê bán lẻ và việc ghi nhận doanh thu bất động sản trong quý 1/2026 cao hơn so với cùng kỳ. Trong quý 1/2026, tổng lượng khách tham quan các TTTM của VRE tăng 13% YoY, trong khi doanh thu của khách thuê tăng hơn 20% YoY, theo VRE.

Kế hoạch mở TTTM sẽ duy trì ở mức vừa phải trong giai đoạn 2026-2027, tăng tốc từ năm 2028. Ban lãnh đạo duy trì kế hoạch khai trương Vincom Plaza Đan Phượng tại Wonder City (Hà Nội; diện tích sàn bán lẻ khoảng 25.000 m2) trong năm 2026, và dự kiến mở 1-2 TTTM trong năm 2027. Việc mở các TTTM được dự báo sẽ tăng tốc từ năm 2028, phù hợp với tiến độ hoàn thành các công trình hạ tầng trọng điểm (ví dụ: tuyến metro Bến Thành - Cần Giờ hỗ trợ kế hoạch mở TTTM của VRE tại Vinhomes Green Paradise). Ban lãnh đạo đặt mục tiêu sau năm 2030, tổng diện tích sàn bán lẻ của VRE có thể đạt khoảng 3,5 triệu m2, so với 1,91 triệu m2 vào cuối năm 2025.

Ban lãnh đạo tự tin vào việc mở rộng các TTTM ngoài khu vực trung tâm. Ban lãnh đạo duy trì chiến lược mở rộng quỹ đất thương mại tại các dự án khu đô thị của VHM/VIC. Dù tiến độ phát triển có thể chậm hơn do cần đồng bộ với hạ tầng, triển vọng lấp đầy vẫn tích cực nhờ nguồn cung trung tâm hạn chế, sự mở rộng của khách thuê quốc tế và kết nối ngày càng cải thiện. Năm 2025, ba TTTM mới khai trương tại các khu vực ngoài trung tâm của VRE (VMM Royal Island - Hải Phòng, VMM Ocean City - Hưng Yên và VCP Vinh - Nghệ An) đã đạt tỷ lệ lấp đầy 98-100% khi khánh thành, khẳng định nhu cầu thuê mạnh mẽ.

Giới thiệu dòng sản phẩm mới Vincom Collection - mô hình quản lý khu phố thương mại. Dòng sản phẩm mới này (giới thiệu từ tháng 01/2026) tập trung vào việc kiến tạo điểm đến thương mại, giúp gia tăng kết nối các thương hiệu và tạo ra xu hướng trải nghiệm mới. Nơi triển khai ban đầu bao gồm Vinhomes Ocean Park 2 & 3 (Hưng Yên) và Mỹ Lâm (Tuyên Quang). Trong giai đoạn đầu, VRE sẽ đóng vai trò là đơn vị quản lý tài sản và cho thuê, với nguồn thu chủ yếu từ phí quản lý. Trong giai đoạn sau, khi mô hình đã ổn định, công ty có thể xem xét mua các quỹ căn thương mại dịch vụ để cho thuê, và có thêm doanh thu từ cho thuê.

Về mảng kinh doanh bất động sản, ban lãnh đạo duy trì kế hoạch mở bán mới cho một số cấu phần shophouse tại Royal Island và Golden Avenue từ năm 2027, và tại Green Paradise từ năm 2028, không đổi so với cập nhật của ban lãnh đạo trong buổi công bố KQKD tháng 01/2026 và phù hợp với dự báo hiện tại của chúng tôi.

Kế hoạch cổ tức tiền mặt năm tài chính 2025 đã được bổ sung để phê duyệt tại ĐHCĐ năm nay, phản ánh các điều chỉnh gần đây đối với tiến độ phát triển một số dự án, qua đó dự kiến có một nguồn tiền nhàn rỗi. Ban lãnh đạo cũng cho biết tại ĐHCĐ rằng công ty đặt mục tiêu tiếp tục chi trả cổ tức với mức chi trả được quyết định hàng năm tùy thuộc vào việc đánh giá nhu cầu phát triển dài hạn. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt báo cáo trong ngày

DMX: Năm trụ cột thúc đẩy giai đoạn tăng trưởng tiếp theo - Báo cáo Công ty

Ngành	Bán lẻ	(tỷ đồng)	2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	23/04/2026	Doanh thu *	106.801	130.847	143.011	156.433
Cổ tức 2026	4.000 VND	%YoY	18,4%	22,5%	9,3%	9,4%
Cổ phần Nhà nước	0%	LNST-CĐTS *	6.075	9.324	11.035	12.842
SL cổ phiếu lưu hành	1,10 tỷ	%YoY	45,6%	53,5%	18,3%	16,4%
Pha loãng	1,27 tỷ	TT EPS	56,1%	46,8%	12,5%	16,4%
		Biên LN gộp	17,1%	17,9%	18,2%	18,5%
		Biên LN ròng *	5,7%	7,1%	7,7%	8,2%
		DMX	VNI			
		P/E (trượt)	N/A	17,0x		
		P/B (hiện tại)	N/A	2,2x		
		ROE	31,0%	14,1%		
		ROA	10,9%	2,1%		
		* Tăng trưởng doanh thu trên cùng của hàng (LFL), loại trừ An Khang và Avakids, nhưng bao gồm mô hình DMX nhỏ				

* Chúng tôi dự báo tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) doanh thu so sánh tương đương (LFL) giai đoạn 2025-2028F đạt 14% và CAGR EPS đạt 24%, được thúc đẩy bởi CAGR doanh thu 11%/15% trong mảng ICT/điện máy (CE), dịch vụ tài chính (25%) và Thợ DMX (hợp nhất từ năm 2026). Sự chuyển dịch cơ cấu lợi nhuận gộp: Doanh thu dịch vụ hợp nhất dự kiến tăng từ 10% lên 18% tổng lợi nhuận gộp vào năm 2028.

* Theo dự báo ngành, thị trường ICT & CE của Việt Nam có thể tăng trưởng với CAGR 8,2% (2025-2030), nhanh nhất Đông Nam Á. Các động lực chính là nhu cầu thay thế/nâng cấp tại Việt Nam (chu kỳ điện thoại khoảng 20 tháng so với 29 tháng trên toàn cầu) và tỷ lệ thâm nhập thấp của các thiết bị điện tử gia dụng phục vụ tiện nghi/tiện ích.

* So với mức trung vị của các công ty cùng ngành tại châu Á, DMX sở hữu thị phần, tăng trưởng (CAGR EPS 2024-2026 là 39% so với 26%) và ROE (31% so với 12%) vượt trội mặc dù có vị thế tiền mặt ròng mạnh hơn. Do đó, chúng tôi tin rằng DMX xứng đáng được định giá cao hơn so với mức P/E dự phóng 2026 trung vị của các công ty cùng ngành là 14,2 lần.

* Công ty cam kết tỷ lệ chi trả cổ tức ≥50%, có kế hoạch IPO tối đa 16% số cổ phiếu đang lưu hành và dự định gán quyền chọn cổ phiếu với các KPI dài hạn để hỗ trợ chiến lược tăng trưởng 5 trụ cột của mình.

* Rủi ro đầu tư: Chu kỳ cung tin dụng tiêu dùng; giá chip nhớ ở mức cao; rủi ro thực thi B2B của Thợ DMX; cạnh tranh từ thương mại điện tử.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GT VH tr USD	GT GD/ 30N tr USD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	83%	75	0,0	14.000	25.500	82%	0,0%	82%	KQ	17/01/25	39,6	9,4	15,3	1,1
DGC	Công nghiệp	34%	772	8,7	53.500	91.200	70%	5,6%	76%	MUA	02/03/26	7,1	6,8	15,3	1,4
KDH	Bất động sản	14%	1.091	4,5	25.600	43.700	71%	0,0%	71%	MUA	09/03/26	29,4	18,5	19,7	1,6
NLG	Bất động sản	5%	515	3,8	27.950	45.800	64%	1,4%	65%	MUA	09/03/26	16,3	20,2	19,7	1,1
HVN	Hàng không	21%	2.677	0,8	22.650	37.100	64%	0,0%	64%	KQ	22/07/25	9,7	8,1	17,4	11,9
PNJ	Bán lẻ	0%	1.394	6,3	71.700	113.500	58%	2,8%	61%	MUA	07/11/25	9,3	10,4	9,9	2,8
FPT	CNTT	8%	4.807	25,4	74.300	116.600	57%	3,1%	60%	MUA	22/10/25	14,7	13,1	18,9	3,5
BMI	Bảo hiểm	19%	86	0,3	15.100	23.100	53%	3,3%	56%	MUA	12/04/24	10,1	6,0	13,2	0,8
PVS	Dầu khí	34%	726	7,2	37.400	58.100	55%	0,0%	55%	MUA	26/02/26	13,1	12,6	21,2	1,3
SZC	KCN	18%	191	0,7	28.000	42.400	51%	3,6%	55%	KQ	01/07/25	15,9	14,3	19,7	1,6
VGC	KCN	43%	747	1,6	43.850	64.100	46%	5,0%	51%	MUA	21/10/25	14,0	12,6	15,5	2,3
SSI	Chứng khoán	66%	2.645	29,3	27.950	40.800	46%	3,6%	50%	KQ	27/08/25	14,1	15,3	19,0	1,8
PLC	Dầu khí	48%	69	0,3	22.500	31.900	42%	4,4%	46%	MUA	12/09/25	133,9	7,2	15,3	1,5
VPB	Ngân hàng	6%	8.257	20,2	27.400	38.000	39%	1,8%	41%	MUA	19/11/25	9,1	7,1	11,3	1,3
BMP	VLXD	14%	462	1,3	148.600	192.500	30%	10,8%	40%	MUA	12/11/25	10,0	8,7	15,5	3,8
ACG	Gỗ	11%	194	0,0	33.900	45.800	35%	5,0%	40%	MUA	15/07/25	10,7	8,5	13,8	1,2
BWE	Điện & Nước	39%	363	1,1	43.500	58.700	35%	3,0%	38%	MUA	02/02/26	11,6	10,5	11,7	1,6
GEX	Điện & Nước	42%	1.356	15,1	39.550	54.000	37%	1,3%	38%	MUA	30/12/25	23,3	26,0	13,1	2,0
DCM	Phân bón	44%	873	7,9	43.400	57.600	33%	4,6%	37%	MUA	10/03/26	12,7	8,2	15,3	2,1
ACB	Ngân hàng	0%	4.585	9,8	23.500	32.000	36%	0,0%	36%	MUA	05/03/26	7,8	6,4	11,3	1,2
HDG	Điện & Nước	31%	374	3,1	26.650	36.200	36%	0,0%	36%	MUA	23/03/26	14,4	11,8	19,7	1,4
MBB	Ngân hàng	0%	8.077	18,5	26.400	35.000	33%	1,9%	34%	MUA	13/03/26	8,5	6,7	11,3	1,6
MCH	Bán lẻ	33%	6.883	1,4	140.000	181.700	30%	4,3%	34%	PHTT	28/11/25	27,1	23,7	14,6	10,0
PVT	Dầu khí	39%	425	6,1	23.800	30.800	29%	4,2%	34%	MUA	13/03/26	11,3	7,7	13,1	1,3
HPG	VLXD	27%	8.105	40,3	27.800	36.600	32%	1,8%	33%	MUA	04/04/26	14,3	10,1	13,8	1,7
NT2	Điện & Nước	37%	269	1,0	24.600	30.300	23%	10,2%	33%	MUA	26/02/26	7,3	6,7	11,7	1,4
TLG	Văn phòng phẩm	85%	181	0,4	49.250	61.900	26%	7,1%	33%	MUA	12/09/25	10,5	8,0	9,9	1,9

SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.348	1,2	48.200	59.000	22%	10,4%	33%	MUA	06/01/26	14,4	13,7	14,6	2,9
TV2	Điện & Nước	5%	87	0,6	34.100	43.900	29%	2,9%	32%	MUA	18/09/25	38,8	13,6	13,1	1,8
HDC	Bất động sản	46%	142	2,2	18.700	24.600	32%	0,0%	32%	KQ	09/01/26	5,8	12,0	19,7	1,3
POW	Điện & Nước	45%	1.486	6,8	12.750	16.700	31%	0,0%	31%	MUA	27/03/26	16,0	16,2	11,7	1,1
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	616	0,2	44.200	53.400	21%	9,0%	30%	KQ	30/08/24	8,4	6,3	14,6	1,5
GMD	GTVT	9%	1.202	5,5	74.200	93.900	27%	3,1%	30%	MUA	26/02/26	20,1	13,1	13,1	2,4
MSN	Bán lẻ	24%	4.295	18,6	78.200	101.200	29%	0,0%	29%	MUA	21/05/25	27,5	26,6	13,1	3,2
DXG	Bất động sản	26%	613	10,9	14.500	18.700	29%	0,0%	29%	MUA	06/04/26	69,7	72,9	19,7	1,1
TCB	Ngân hàng	0%	8.963	17,9	33.300	41.500	25%	3,6%	28%	MUA	04/03/26	9,3	7,9	11,3	1,3
PVD	Dầu khí	43%	668	6,4	31.650	40.300	27%	0,0%	27%	MUA	09/04/26	19,6	15,7	21,2	1,0
PC1	Điện & Nước	33%	376	7,0	24.100	30.500	27%	0,0%	27%	MUA	02/02/26	10,2	9,1	15,5	1,5
CTG	Ngân hàng	3%	10.473	9,3	35.500	44.900	26%	0,0%	26%	MUA	10/03/26	9,1	7,9	11,3	1,6
HDB	Ngân hàng	1%	5.057	20,9	26.600	33.000	24%	1,9%	26%	MUA	06/03/26	7,4	6,3	11,3	1,8
KBC	KCN	31%	1.223	5,4	34.200	42.500	24%	0,0%	24%	MUA	13/03/26	15,0	10,8	19,7	1,3
GAS	Dầu khí	47%	7.094	4,8	77.400	93.600	21%	3,2%	24%	MUA	14/04/26	16,7	15,2	11,7	2,8
AST	DV Hàng không	5%	116	0,0	68.000	80.600	19%	5,1%	24%	MUA	26/08/25	12,2	11,9	12,8	5,2
REE	Điện & Nước	0%	1.280	4,0	62.200	75.900	22%	1,6%	24%	MUA	23/02/26	24,4	11,4	13,1	1,6
SIP	KCN	44%	535	1,2	58.200	69.800	20%	3,4%	23%	MUA	22/12/25	11,3	10,9	19,7	2,7
IDC	KCN	32%	663	4,4	46.000	54.600	19%	4,3%	23%	MUA	17/03/26	9,1	8,8	19,7	2,7
QTP	Điện & Nước	48%	215	0,5	12.700	14.600	15%	7,9%	23%	MUA	10/12/25	5,6	8,7	11,7	1,0
FRT	Bán lẻ	16%	949	3,0	146.700	178.800	22%	0,7%	23%	MUA	13/11/25	31,5	22,2	12,8	6,0
MWG	Bán lẻ	1%	4.713	24,5	84.500	101.000	20%	1,2%	21%	MUA	14/10/25	17,6	14,9	12,8	3,8
DPM	Phân bón	42%	697	6,1	27.000	31.200	16%	4,4%	20%	PHTT	10/03/26	20,6	12,2	15,3	1,6
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	52%	4.922	10,2	62.000	70.300	13%	6,5%	20%	MUA	24/04/25	13,8	14,8	14,6	4,2
PHR	Công nghiệp	34%	312	0,6	60.700	71.300	17%	2,2%	20%	MUA	25/03/26	17,8	8,8	15,3	2,0
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	78%	529	1,6	62.000	71.600	15%	3,2%	19%	MUA	26/01/26	10,2	7,9	14,6	1,5
DPG	Điện & Nước	41%	190	0,9	42.100	48.700	16%	2,4%	18%	MUA	06/01/26	10,6	6,4	15,5	2,2
VCB	Ngân hàng	8%	19.931	15,4	62.800	73.500	17%	0,7%	18%	MUA	17/03/26	16,2	13,3	11,3	2,3
BID	Ngân hàng	12%	11.503	11,2	41.600	48.800	17%	0,0%	17%	MUA	01/04/26	10,9	9,9	11,3	1,8

DXS	Bất động sản	29%	156	0,8	7.080	8.300	17%	0,0%	17%	KQ	06/04/26	13,0	12,2	19,7	0,7
PPC	Điện & Nước	40%	121	0,3	9.920	11.000	11%	5,0%	16%	KQ	10/12/25	19,5	9,8	11,7	0,7
TDM	Điện & Nước	48%	243	1,1	57.700	65.300	13%	2,6%	16%	KQ	02/02/26	33,2	31,1	11,7	2,4
DHC	Công nghiệp	13%	132	0,4	36.050	40.100	11%	3,6%	15%	MUA	16/12/25	8,9	8,6	13,8	1,6
CTR	CNTT	40%	374	1,1	86.000	96.800	13%	1,7%	14%	KQ	14/04/26	16,4	14,1	15,5	4,8
ACV	Hàng không	46%	6.086	1,2	44.800	50.100	12%	0,0%	12%	PHTT	06/04/26	14,6	14,0	13,1	2,3
BSR	Lọc hóa dầu	49%	4.755	14,2	25.000	27.000	8%	2,8%	11%	PHTT	18/03/26	24,1	7,7	21,2	2,1
PTB	Công nghiệp	12%	151	0,3	49.400	52.000	5%	4,3%	10%	KQ	06/10/25	6,6	8,6	13,8	1,2
PLX	Xăng dầu	3%	1.897	5,8	39.300	41.100	5%	3,1%	8%	MUA	13/10/25	20,4	17,1	21,2	1,9
VIB	Ngân hàng	0%	2.224	5,7	17.200	18.500	8%	0,0%	8%	KQ	23/05/25	8,0	6,6	11,3	1,3
SCS	DV Hàng không	14%	191	0,3	53.000	51.200	-3%	10,4%	7%	PHTT	13/01/26	6,7	7,2	17,4	3,0
VEA	Ô-tô	47%	1.686	0,4	33.500	30.800	-8%	14,4%	6%	PHTT	28/10/25	6,1	6,3	13,1	1,7
VRE	Bất động sản	31%	2.507	6,7	29.050	30.700	6%	0,0%	6%	KQ	30/03/26	10,2	12,1	19,7	1,4
F88	Tài chính TT	0%	678	0,4	159.900	168.000	5%	0,0%	5%	KQ	21/01/26	24,5	17,8	#N/A	7,3
NVL	Bất động sản	42%	1.630	16,7	19.200	20.000	4%	0,0%	4%	MUA	01/10/25	22,3	107,2	19,7	1,0
VTP	GTVT	43%	450	1,9	68.500	69.000	1%	2,2%	3%	PHTT	06/09/24	23,9	20,1	13,1	6,7
DGW	Bán lẻ	30%	375	2,9	44.600	45.400	2%	1,1%	3%	PHTT	18/11/25	18,0	15,9	12,8	2,9
TPB	Ngân hàng	7%	1.717	5,8	16.300	15.800	-3%	0,0%	-3%	MUA	27/05/25	6,1	6,0	11,3	1,1
GVR	Công nghiệp	12%	4.953	4,2	32.600	30.500	-6%	1,2%	-5%	KQ	31/12/25	23,2	21,3	15,3	2,3
NKG	VLXD	45%	246	2,6	14.500	13.100	-10%	0,0%	-10%	PHTT	18/04/25	32,9	11,2	13,8	0,9
HSG	VLXD	41%	370	2,4	15.700	13.500	-14%	3,2%	-11%	PHTT	18/04/25	15,6	16,6	13,8	0,9
OIL	Dầu khí	1%	573	1,8	14.600	12.700	-13%	0,7%	-12%	KQ	17/10/25	35,6	32,2	21,2	1,4
LPB	Ngân hàng	4%	5.276	3,3	46.500	39.300	-15%	2,2%	-13%	KKQ	18/11/25	12,3	12,8	11,3	2,8
STB	Ngân hàng	9%	4.683	21,5	65.400	55.400	-15%	0,0%	-15%	KQ	08/12/25	20,8	10,5	11,3	2,1
VHM	Bất động sản	39%	23.245	35,6	149.000	122.600	-18%	0,0%	-18%	KQ	30/03/26	14,6	14,1	19,7	2,6
BVH	Bảo hiểm	22%	2.002	2,3	71.000	56.900	-20%	1,3%	-19%	KQ	26/05/25	17,8	16,9	13,2	2,2
VJC	Hàng không	18%	3.930	14,5	174.900	114.000	-35%	0,0%	-35%	KQ	15/03/24	48,7	19,6	17,4	4,2
VIC	Bất động sản	40%	62.783	37,7	214.500	101.600	-53%	0,0%	-53%	BÁN	30/03/26	141,2	145,7	19,7	11,2

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT: PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KDG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	52	138.845	2.670	18	14,9	11,9	10,1	15,0	1,8	22,5	17,7	14,4	2,0	2,9%
KHẢ QUAN	20	52.185	2.609	7	17,6	15,2	13,2	14,2	2,3	24,5	19,3	14,6	2,7	1,7%
PHÙ HỢP TT	10	21.740	2.174	0	19,2	17,0	12,2	19,4	2,7	29,5	19,0	13,5	3,2	4,3%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.276	5.276	0	15,1	12,3	12,8	10,4	2,8	15,1	12,3	12,8	2,8	2,2%
BÁN	1	62.783	62.783	1	134,1	141,2	145,7	66,9	11,2	134,1	141,2	145,7	11,2	0,0%
TỔNG CỘNG	84	280.829	3.343	26	19,7	16,3	13,8	16,4	2,4	25,1	19,7	15,9	2,4	2,7%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	90.745	7.562	11	12,0	10,4	8,7	12,4	1,7	11,4	10,5	8,5	1,7	1,0%
Bảo hiểm	2	2.088	1.044	1	23,3	17,2	15,7	14,3	2,0	17,6	13,9	11,4	1,5	2,3%
Chứng khoán	1	2.645	2.645	1	22,4	14,1	15,3	20,6	1,8	22,4	14,1	15,3	1,8	3,6%
Tài chính thay thế	1	678	678	0	50,1	24,5	17,8	25,7	7,3	50,1	24,5	17,8	7,3	0,0%
Tiêu dùng	13	29.262	2.251	4	18,4	15,9	15,0	19,5	3,7	23,8	16,2	14,2	3,6	4,8%
CNTT	1	4.807	4.807	1	17,4	14,7	13,1	23,0	3,5	17,4	14,7	13,1	3,5	3,1%
Bất động sản	9	92.681	10.298	2	59,3	37,6	38,4	23,1	4,6	39,8	35,8	46,1	2,4	0,2%
Vật liệu	4	9.183	2.296	1	17,7	14,3	10,2	18,3	1,6	15,3	18,2	11,7	1,8	3,9%
Điện & Nước	12	6.361	530	1	21,8	15,7	13,1	20,1	1,5	29,1	17,9	13,4	1,6	3,1%
Dầu khí	10	17.777	1.778	2	25,5	18,5	11,5	21,6	2,1	37,3	30,8	13,6	1,7	2,7%
Công nghiệp	5	1.323	265	0	8,9	8,0	7,5	12,2	1,3	14,7	14,6	8,4	1,3	3,7%
Khu công nghiệp	7	8.625	1.232	1	24,5	17,3	14,9	18,7	2,1	25,7	15,2	12,5	2,1	2,8%
GTVT & Logistics	7	14.652	2.093	1	14,5	16,5	13,2	18,0	3,3	19,8	19,4	13,4	5,1	3,0%
TỔNG CỘNG	84	280.829	3.343	26	19,7	16,3	13,8	16,4	2,4	25,1	19,7	15,9	2,4	2,7%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap
 Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap
 *FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q1 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS Q1 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB				MUA	
BID				MUA	
CTG				MUA	
HDB				KQ	
LPB				BÁN	
MBB				MUA	
STB				MUA	
TCB				MUA	
TPB				MUA	
VCB				MUA	
VIB				KQ	
VPB				MUA	
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI				MUA	
BVH				KQ	
SSI				MUA	
F88				KQ	
Tiêu dùng					
CTR		14%		KQ	
DGW				PHTT	
FPT				MUA	
FRT				MUA	
MSN (2)				MUA	
MCH				PHTT	
MWG				MUA	
PNJ				MUA	
QNS				KQ	
SAB		5%		MUA	
TLG		20%		MUA	
VEA		-3%		PHTT	
VHC		30%		MUA	
VNM				MUA	
GTVT & Logistics					
ACV		4%		PHTT	
AST		6%		MUA	
GMD (2)		31%		MUA	
HVN		19%		PHTT	

SCS		-6%	PHTT	
VJC		N.A	KQ	
VTP		19%	PHTT	
Bất động sản				
DXG		-4%	MUA	
DXS		7%	MUA	
HDC		-51%	KQ	
NVL		-79%	MUA	
KDH		59%	MUA	
NLG		-20%	MUA	
VHM		3%	KQ	
VIC		-3%	BÁN	
VRE		-15%	KQ	
Khu công nghiệp				
GVR		9%	KQ	
IDC		4%	MUA	
KBC		39%	MUA	
PHR		103%	MUA	
SIP		4%	MUA	
SZC	-86%	11%	KQ	Lợi nhuận giảm mạnh do thay đổi phương pháp kế toán; dòng tiền từ KCN vẫn ổn định trong quý 1
Vật liệu & Công nghiệp				
ACG (2)		26%	MUA	
BMP		15%	MUA	
DGC		23%	MUA	
DHC		3%	MUA	
HPG		41%	MUA	
HSG (1)		-5%	PHTT	
NKG		202%	PHTT	
PTB		-19%	KQ	
STK		231%	KQ	
Điện & Nước				
BWE (2)		9%	MUA	
GEX			MUA	
HDG			KQ	
NT2	395%	-16%	MUA	LNST dự kiến tăng khoảng 5 lần YoY từ nền thấp của quý 1/2025; rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ
PC1		12%	MUA	
POW		-1%	MUA	
PPC		99%	KQ	
QTP		-35%	MUA	
REE		17%	MUA	

TDM (2)	-61%	8%	KQ	LNST từ hoạt động sản xuất nước trong quý 1 năm 2026 đạt 17% dự báo cả năm, có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo lợi nhuận
TV2		186%	MUA	
DPG		65%	MUA	
VGC			MUA	
Dầu khí				
BSR		215%	PHTT	
DCM (2)		55%	MUA	
DPM		70%	PHTT	
GAS			MUA	
OIL (2)			KQ	
PLX (2)			MUA	
PLC			MUA	
PVD (2)		55%	MUA	
PVS (2)		10%	MUA	
PVT (2)		49%	MUA	

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.870,4	13,1
VN 30	2.024,7	-0,7
VN Mid	2.212,4	-17,4
VNSmall	1.407,3	-4,8

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	253,2	-2,1
HNX30	529,0	-3,2
VNX Allshare	3.022,3	0,2

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	128,3	-0,6

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	2.333,3	8,0%
Khối ngoại mua	2.438,4	8,3%
Khối ngoại bán	4.097,8	14,0%
Tổng giao dịch	29.334,1	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	295,2	20,5%
Khối ngoại mua	52,9	3,7%
Khối ngoại bán	95,9	6,7%
Tổng giao dịch	1.440,2	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	94,9	15,4%
Khối ngoại mua	6,4	1,0%
Khối ngoại bán	19,8	3,2%
Tổng giao dịch	617,9	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
SAB	3.150	7,0%
VDP	3.700	7,0%
PVT	1.550	7,0%
CTD	5.600	6,9%
VCB	3.400	5,7%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
NAG	500	6,0%
DL1	100	2,2%
L40	1.400	2,1%
HUT	300	1,9%
DTD	300	1,8%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VIW	4.947	14,5%
ILS	2.144	11,2%
HNG	166	2,6%
SGI	266	2,4%
LSG	847	2,4%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PC1	-1.800	-7,0%
NNC	-3.250	-6,9%
VVS	-8.400	-6,3%
EVF	-650	-4,8%
TV2	-1.650	-4,6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
AAV	-800	-9,1%
EVS	-200	-4,1%
VGS	-700	-2,8%
TNG	-600	-2,7%
IDJ	-100	-2,5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
DHB	-1.408	-8,8%
DSH	-999	-5,9%
MSR	-2.402	-5,6%
TV1	-1.474	-4,9%
VEF	-4.540	-4,2%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VCB	2.204
VIC	1.755
SHB	1.728
HPG	1.150
VIX	1.053

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	413
PVS	209
CEO	166
IDC	156
MBS	70

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
MSR	127
AAS	63
HNG	62
VGI	61
OIL	43

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
DBT	452.677	50.804
PVP	2.824.925	445.637
VCB	35.349.225	6.878.343
TV2	2.275.975	451.891
SAB	3.458.239	692.185
OGC	1.271.608	288.518
VNE	1.024.330	242.180
HSL	1.050.319	257.650
VPH	204.701	59.163
HTN	740.947	226.540

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
NAG	804.547	102.952
HDA	200.450	50.590
LIG	503.912	139.198
MBG	550.793	161.790
EVS	427.551	126.868
ITQ	186.003	66.627
PV2	361.300	131.638
DTD	572.851	220.507
L40	133.411	63.678
TD6	352.300	176.999

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
HVA	373.557	83.187
STH	200.423	65.566
VIW	243.681	91.225
PHP	221.024	101.257
MPC	104.665	50.472
TV1	254.907	126.181
F88	162.435	82.250
VTD	438.069	232.433
QNS	168.166	100.169
DHB	123.263	77.620

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.746,6		13,6	2,1	11,8
TCX	4.425,1	0,0	18,9	2,6	15,5
VCK	3.126,0	0,0	18,9	2,7	19,3
SSI	2.644,6	65,8	13,0	1,8	12,2
VPX	1.969,1	0,0	12,2	1,5	5,2
VIX	1.568,2	89,7	5,0	1,9	6,9

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	634,0		13,0	1,7	11,6
BVH	2.001,9	21,9	18,6	2,2	8,7
PVI	685,1	42,4	16,4	2,2	11,5
BIC	182,3	3,6	8,8	1,5	16,8
VNR	158,5	22,4	9,6	1,0	8,2
MIG	142,2	83,7	11,5	1,4	12,9

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.809,4		19,6	3,7	16,9
ACV	6.085,8	45,7	14,8	2,3	16,3
GEE	2.473,1	49,8	20,0	8,1	19,8
MVN	2.446,1	0,0	33,1	4,6	17,3
VEA	1.686,3	47,4	6,2	1,7	23,1
GEX	1.355,6	41,6	24,2	2,0	8,1

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.968,3		19,0	4,6	20,6
MCH	6.883,3	33,5	25,4	10,0	31,7
VNM	4.921,7	51,6	13,8	4,2	29,7
MSN	4.294,7	24,4	28,9	3,2	4,7
SAB	2.348,1	40,9	14,0	2,9	17,6
PNJ	1.393,6	0,2	12,9	2,8	19,4

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.723,8		20,9	1,5	6,2
BSR	4.754,7	48,8	24,0	2,1	5,2
PLX	1.896,6	2,8	18,7	1,9	11,5
PVS	726,5	34,0	10,3	1,3	7,0
PVD	668,2	42,8	16,9	1,0	4,5
OIL	573,0	0,7	34,7	1,4	2,8

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.321,9		14,5	2,2	8,5
GAS	7.093,7	47,2	16,4	2,8	17,1
POW	1.485,7	45,4	15,0	1,1	4,4
REE	1.279,7	0,0	13,3	1,6	10,3
PGV	1.028,4	50,0	7,3	1,5	-2,5
DNH	722,0	0,0	20,8	3,7	13,3

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	18.783,3		38,5	4,5	11,5
VIC	62.782,7	40,3	146,1	11,2	7,4
VHM	23.245,4	38,8	14,6	2,6	10,9
KSF	3.246,7	50,0	5,3	5,0	13,9
VRE	2.507,2	30,8	10,2	1,4	10,4
BCM	2.134,6	32,0	16,1	2,5	14,9

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.825,2		10,0	1,7	16,1
VCB	19.930,7	7,9	14,9	2,3	19,4
BID	11.503,0	12,4	9,8	1,8	18,5
CTG	10.472,7	3,0	8,0	1,6	16,3
TCB	8.962,8	0,0	9,1	1,3	16,5
VPB	8.257,0	5,6	8,3	1,3	9,7

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.591,3		47,9	6,0	-0,2
VPL	5.687,5	48,9	135,8	4,1	0,0
MWG	4.712,9	1,2	17,7	3,8	11,7
VJC	3.930,1	17,8	46,9	4,2	9,4
HVN	2.676,8	20,8	7,8	11,9	-28,5
FRT	948,9	16,3	31,4	6,0	6,3

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.968,3		19,0	4,6	20,6
HPG	6.883,3	27,3	25,4	10,0	31,7
GVR	4.921,7	12,1	13,8	4,2	29,7
MSR	4.294,7	99,9	28,9	3,2	4,7
KSV	2.348,1	0,0	14,0	2,9	17,6
DCM	1.393,6	43,8	12,9	2,8	19,4

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.723,8		20,9	1,5	6,2
DHG	4.754,7	46,2	24,0	2,1	5,2
IMP	1.896,6	24,8	18,7	1,9	11,5
DHT	726,5	9,0	10,3	1,3	7,0
DVN	668,2	0,0	16,9	1,0	4,5
DBD	573,0	84,5	34,7	1,4	2,8

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.321,9		14,5	2,2	8,5
FPT	7.093,7	8,0	16,4	2,8	17,1
CMG	1.485,7	13,9	15,0	1,1	4,4
SAM	1.279,7	48,5	13,3	1,6	10,3
SGT	1.028,4	-5,5	7,3	1,5	-2,5
ELC	722,0	45,9	20,8	3,7	13,3

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

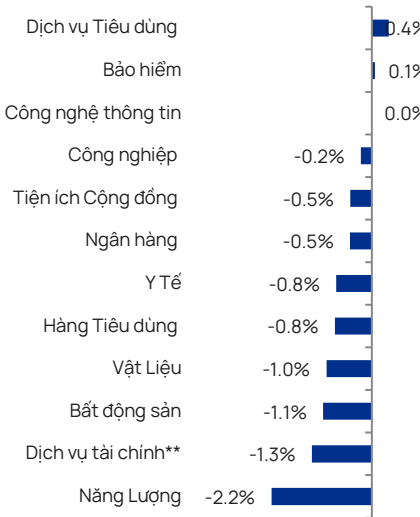
** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

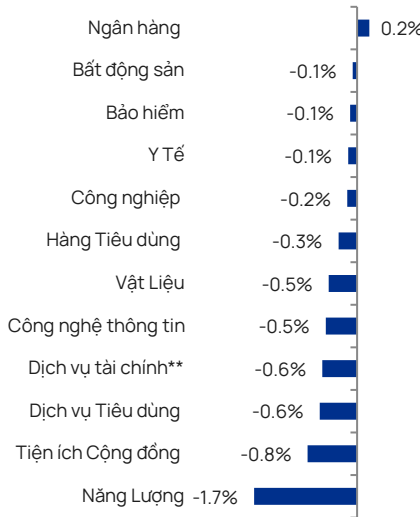
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh (HSX)



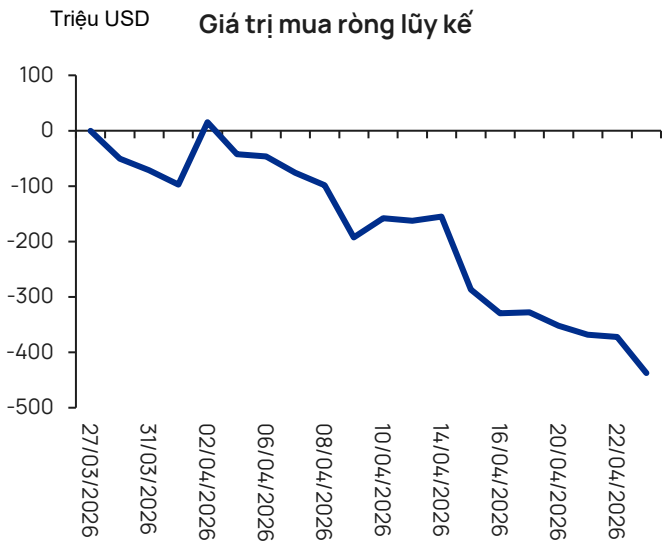
Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



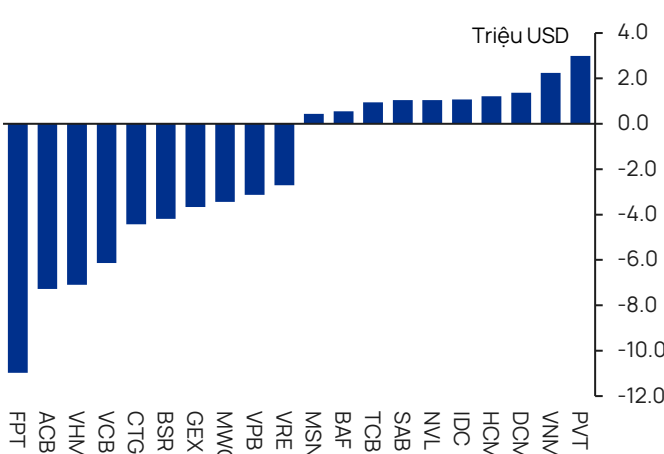
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày

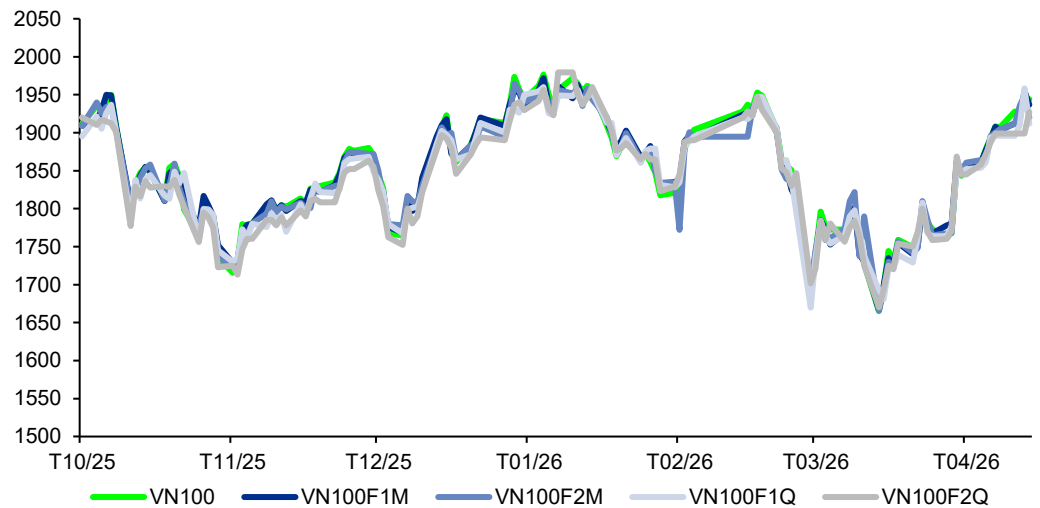
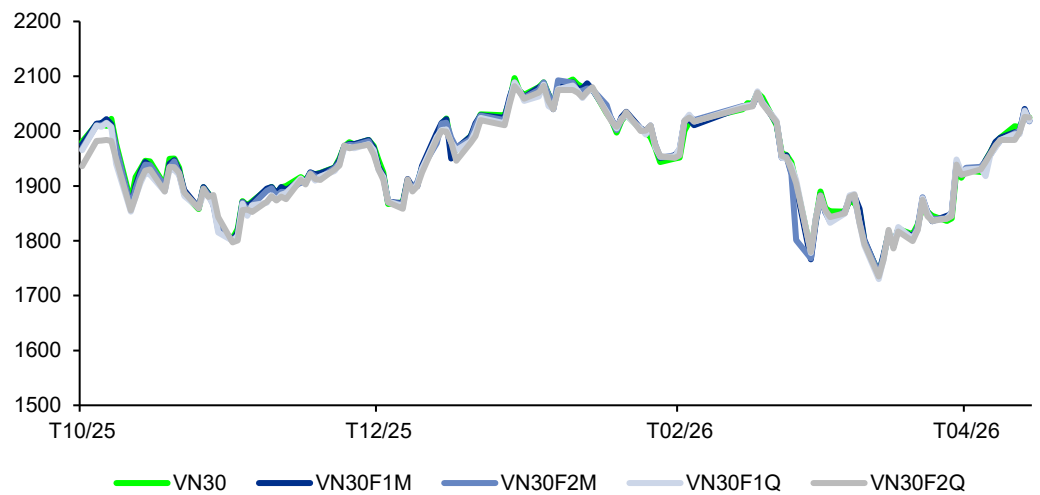


Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	2.019,2	-21,4	-1,0%	-5,5
VN30F2M	2.017,9	-20,1	-1,0%	-6,8
VN30F1Q	2.019,1	-17,8	-0,9%	-5,6
VN30F2Q	2.024,9	-1,1	-0,1%	0,2
VN100F1M	1.936,7	-18,2	-0,9%	-7,3
VN100F2M	1.919,5	-29,6	-1,5%	-24,6
VN100F1Q	1.912,0	-46,2	-2,4%	-32,1
VN100F2Q	1.927,0	28,1	1,5%	-17,1

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	32.253	-11,8%	348,26	8,0%
VN30F2M	1.517	2,3%	0,53	20,5%
VN30F1Q	308	-6,4%	0,08	22,4%
VN30F2Q	19	-26,9%	0,04	117,6%
VN100F1M	18	-14,3%	0,12	147,9%
VN100F2M	16	0,0%	0,00	-96,2%
VN100F1Q	14	0,0%	0,01	200,0%
VN100F2Q	1	0,0%	0,01	0,0%

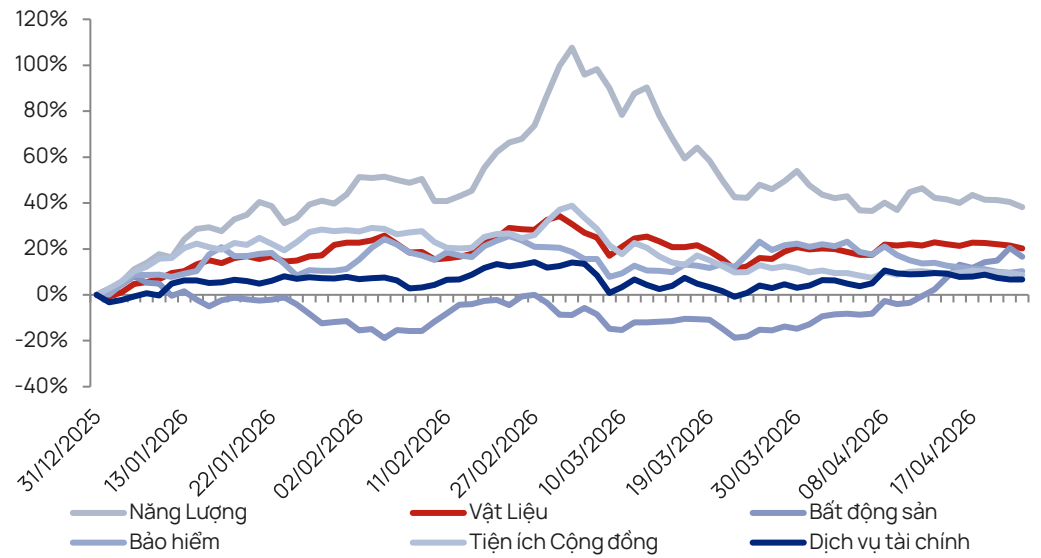


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

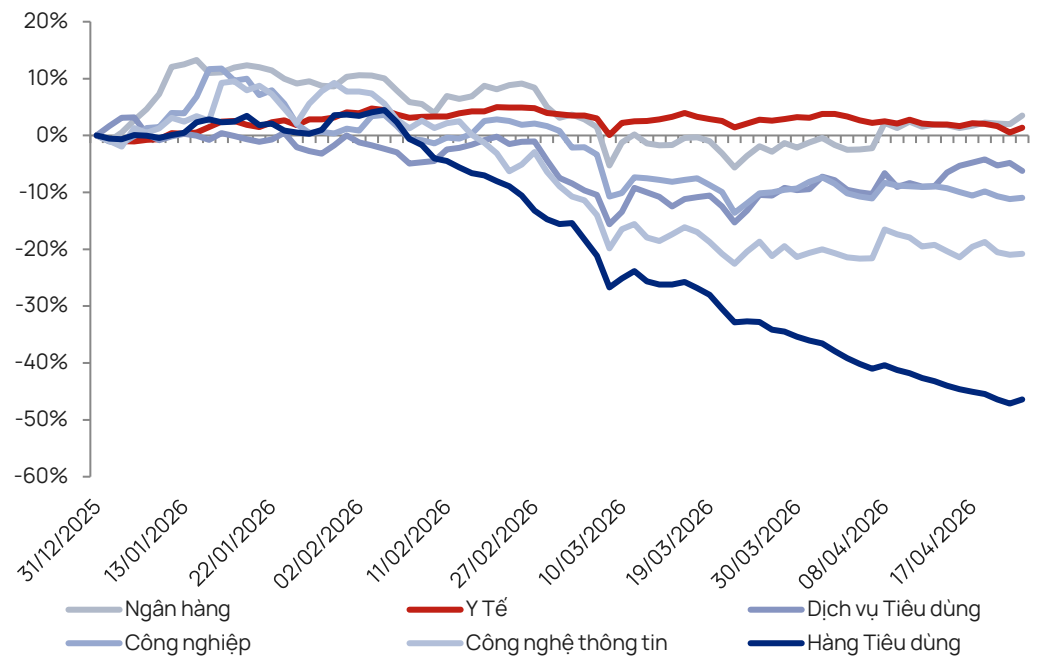
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



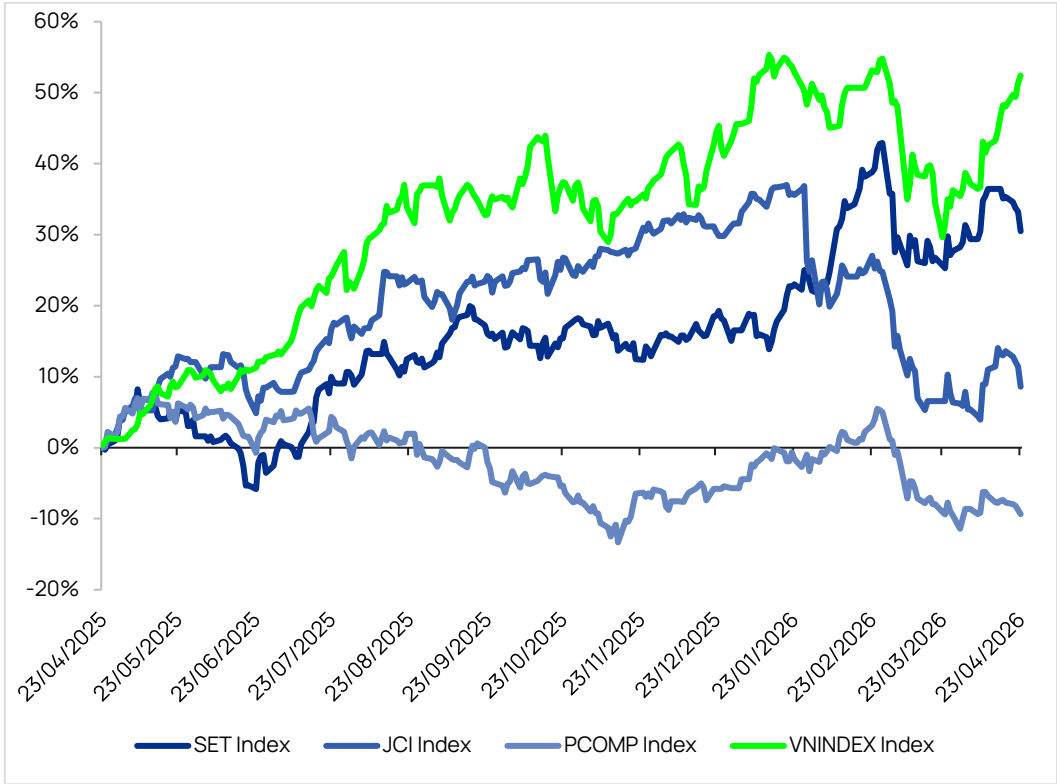
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



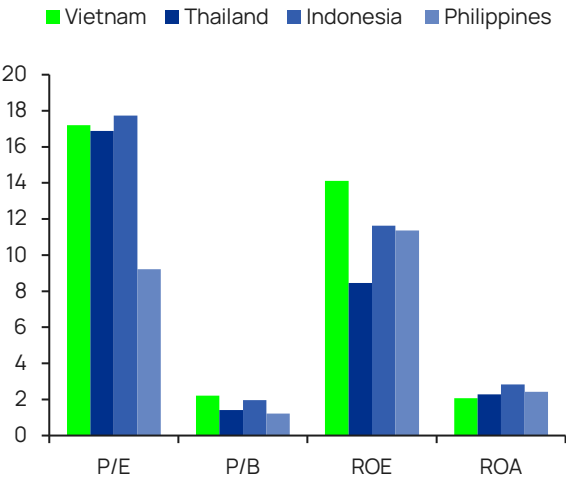
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	16,9	17,7	9,2	17,2
P/B	1,4	2,0	1,2	2,2
ROE (%)	8,5	11,6	11,4	14,1
ROA (%)	2,3	2,8	2,4	2,1
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	580,0	775,8	145,6	327,3
GTGD trung bình, tr USD	1.378,1	1.124,5	82,8	1.026,4
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	680,6	-2.355,9	-32,7	-1.445,2
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(216,4)	(52,7)	(59,4)	(58,8)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,60%	6,50%	6,23%	4,06%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước
Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng
Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.